

TÔN VINH
GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC

SEEING THE QUALITY IN YOU



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014
ANNUAL REPORT 2014

MỤC LỤC

6	TÂM NHÌN - SỨ MỆNH	60	CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
8	GIÁ TRỊ CỐT LÕI	62	Sơ đồ tổ chức
10	THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	65	Hội đồng quản trị
16	NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	68	Ban tổng giám đốc
22	BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	70	Ban kiểm soát
	BÁO CÁO CỦA HĐQT	72	Tình hình quản trị công ty
24	HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 & ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2015 BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014	76	SẢN PHẨM, DỊCH VỤ
	BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	78	Nhãn hiệu TRANG SỨC VÀNG PNJ
32	TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG VÀNG NĂM 2014	79	Nhãn hiệu TRANG SỨC PNJSILVER
38	KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014	80	Nhãn hiệu CAO FINE JEWELLERY
42	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	81	Nhãn hiệu TRANG SỨC JEMMA
52	HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO	82	VĂN HÓA DOANH NGHIỆP
54	CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	84	Mái nhà chung: Bản sắc Văn hóa PNJ
57	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON	86	Năm 2014 - Dấu ấn cộng đồng PNJ
58	KẾT LUẬN	89	CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM
		90	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014
		135	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TRANG SỨC PNJ



THÔNG TIN CÔNG TY

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
Tên tiếng Anh	: PhuNhuân Jewelry Joint Stock Company
Tên viết tắt	: PNJ.,JSC
Địa chỉ	: 170E Phan Đăng Lưu - P. 3 - Q. Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 08.3.9951703 - Fax: 08.3.9951702
Email	: pnj@pnj.com.vn
Website	: www.pnj.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	: 0300521758
Mã số thuế	: 0300521758
Loại hình công ty	: Công ty cổ phần
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	: Bà Cao Thị Ngọc Dung – Chức vụ Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
VỐN ĐIỀU LỆ	: 755.970.355.000 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng)
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:	<ul style="list-style-type: none">• Sản xuất kinh doanh trang sức bằng vàng, bạc, đá quý, phụ kiện thời trang, quà lưu niệm.• Kinh doanh đồng hồ và mua bán vàng miếng• Dịch vụ kiểm định kim cương, đá quý, kim loại quý• Cho thuê nhà theo luật kinh doanh bất động sản

TÂM NHÌN

LÀ CÔNG TY CHẾ TÁC VÀ BÁN LẺ TRANG SỨC HÀNG ĐẦU TẠI CHÂU Á, GIỮ VỊ TRÍ SỐ 1 TRONG CÁC PHÂN KHÚC THỊ TRƯỜNG TRANG SỨC TRUNG VÀ CAO CẤP TẠI VIỆT NAM.



SỨ MỆNH

PNJ MANG LẠI NIỀM KIÊU HÃNH CHO KHÁCH HÀNG BẰNG CÁC SẢN PHẨM TRANG SỨC TINH TẾ, CHẤT LƯỢNG VƯỢT TRỘI.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



1. Trung Thực

Trung thực là chuẩn mực đạo đức hàng đầu trong công việc và trong cuộc sống mà mỗi cá nhân và tổ chức đều cam kết hướng đến.

Lấy lợi nhuận hợp pháp và đạo đức kinh doanh làm nền tảng cho mọi hoạt động.
Xây dựng chữ Tín và minh bạch trong tổ chức để tạo dựng niềm tin.
Kiên quyết đấu tranh loại bỏ mọi hành động không trung thực.

2. Chất Lượng

Chất lượng là cơ sở vững chắc để đảm bảo sự sống còn và là thước đo giá trị của mỗi cá nhân và tổ chức.

Luôn đảm bảo chất lượng của các nguồn lực để tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao.
Mỗi cá nhân cam kết thực hiện nhiệm vụ với chất lượng tốt nhất, không tạo ra sản phẩm hỏng, không chuyển sản phẩm hỏng cho người khác.

3. Trách Nhiệm

Lấy trách nhiệm làm động lực thúc đẩy mọi hoạt động. Đặt lợi ích của khách hàng, của xã hội vào lợi ích của doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân cam kết sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, tổ chức và xã hội.
Thực thi xuất sắc mọi công việc với tinh thần tự nguyện, chủ động, sáng tạo và tận tâm.
Luôn tiên phong theo đuổi và thực hiện những nhiệm vụ khó khăn nhất với tinh thần quyết thắng

4. Đổi Mới

Đổi mới là nền tảng của sự phát triển trường tồn của tổ chức.

Không tự mãn với các thành tích đã đạt được. Sẵn sàng đón nhận, học tập, ứng dụng các kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mới.
Liên tục cải tiến để tối ưu hóa lợi ích cho tổ chức.

5. Sáng Tạo

Sáng tạo để làm nên sự khác biệt vượt trội và lợi thế cạnh tranh.

Đáp ứng kỳ vọng của khách hàng là cơ sở để định hướng sáng tạo.
Bằng tinh thần trách nhiệm, lòng say mê nghề nghiệp, mỗi cá nhân và tổ chức cam kết không ngừng sáng tạo, đưa ra các giải pháp đột phá, tạo nên các sản phẩm và dịch vụ vượt trội.



Bà CAO THỊ NGỌC DUNG, Chủ tịch HĐQT - TGD PNJ

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2014 đã trôi qua với nhiều thăng trầm và thách thức đối với nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tuy nhiên nhiều dấu hiệu cho thấy nền sản xuất tại Việt Nam đang ấm dần lên, thể hiện qua những con số khá lạc quan như mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội GDP đạt 5.98%, chỉ số giá tiêu dùng CPI đạt 4.09% - chỉ số khá thấp trong vòng 10 năm trở lại đây nhưng không có dấu hiệu giảm phát.

Theo báo cáo của Hội Đồng Vàng Thế Giới, thị trường vàng trang sức thế giới năm 2014 có những mức suy giảm sâu về mức cầu tại hầu hết các thị trường trọng yếu. Theo báo cáo, ước tính tổng giá trị tiêu thụ trang sức của Việt Nam giảm 8% nhưng sản lượng vẫn tăng trưởng 4% so với năm 2013 - đó là dấu hiệu tăng trưởng tốt của ngành sản xuất kinh doanh kim hoàn. Giá vàng thế giới trong năm qua đã sụt giảm chưa từng thấy đã kích thích người tiêu dùng mua vàng trang sức nhiều hơn nữa. Những thay đổi trong chính sách quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh vàng đã có ảnh hưởng nhất định đến thị trường vàng trong nước và tác động mạnh mẽ đến hoạt động của doanh nghiệp. Sau hơn một năm quyết tâm thực thi Thông tư 22 về quản lý chất lượng vàng trang sức từ các cơ quan quản lý nhà nước, thị trường vàng trang sức Việt Nam được kỳ vọng sẽ minh bạch và đây chính là cơ hội cho những doanh nghiệp có thương hiệu nổi tiếng, có nhà máy sản xuất hiện đại quy mô lớn và hệ thống cửa hàng bán lẻ rộng khắp như PNJ nhanh chóng phát triển thị phần, chiếm giữ được niềm tin yêu và tin cậy từ khách hàng.

Năm 2014 đi qua đánh dấu cột mốc năm thứ ba trong chiến lược phát triển 10 năm (2012 - 2022) của công ty PNJ với nhiệm vụ hoàn thành giai đoạn đầu của công cuộc tái cấu trúc toàn diện. PNJ đã hoàn thành nhiệm vụ của năm 2014 bằng những kết quả thật ấn tượng với các chỉ tiêu đều đạt hoặc vượt so với kế hoạch: tổng doanh thu hợp nhất đạt 9.297 tỷ đồng; lợi nhuận gộp đạt 790 tỷ, tăng 32% so với cùng kỳ, vượt 17% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 326 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ, vượt 18% chỉ tiêu kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 255 tỷ đồng, đảm bảo mức chi trả cổ tức của năm 2014 là 15% bằng tiền mặt và 30% bằng cổ phiếu.

Để đạt được các kết quả này, HĐQT đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện các kế hoạch ngắn và dài hạn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo vận hành theo đúng định hướng chiến lược đã đề ra, đó là:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực bằng các công tác huấn luyện, đào tạo, xây dựng chế độ đãi ngộ đột phá, tương xứng xứng đáng; hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình phát triển mới, bổ sung đội ngũ quản lý trung-cao cấp.
 - Nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng qua việc thường xuyên tung ra những bộ sưu tập trang sức mới phù hợp thị hiếu khách hàng hoặc dẫn dắt xu hướng; chất lượng sản phẩm vượt trội bằng các kỹ thuật chế tác tiên tiến và tay nghề thợ cao; đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn cam kết bằng các quy trình kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt ở tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng; chú trọng xây dựng các chương trình chăm sóc khách hàng để tạo nên sự gắn kết bền vững; xây dựng các chương trình truyền thông tiếp thị phù hợp và cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho khách hàng; thường xuyên tổ chức các khóa hướng dẫn đào tạo nâng cao kỹ năng phục vụ khách hàng của đội ngũ tư vấn viên.
 - Củng cố hệ thống bán hàng hiện tại theo quy chuẩn PNJ và phát triển thêm nhiều cửa hàng mới theo kế hoạch phát triển mạng lưới được HĐQT phê duyệt, sẵn sàng cho việc phát triển chuỗi bán lẻ trang sức PNJ sâu và rộng hơn nữa
 - Tái cơ cấu xí nghiệp nữ trang để tăng năng suất lên 35% so với năm 2013; tăng hàm lượng công nghiệp trong sản xuất, giảm hao hụt và tăng năng suất lao động góp phần tăng tỷ suất lợi nhuận của ngành hàng kinh doanh
- Bước sang 2015, một giai đoạn mới tiếp theo của chiến lược phát triển dài hạn đã được xác lập và theo đuổi, PNJ tiếp tục đặt ra cho mình các đỉnh cao mới để chinh phục Tầm nhìn "Trở thành nhà chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu Châu Á, giữ vị trí số 1 trong các phân khúc thị trường trang sức trung và cao cấp tại Việt Nam" với các mục tiêu:



- PNJ được nhận diện như thương hiệu dẫn đầu về trang sức trong phân khúc trung cao cấp trong những năm vừa qua, không ngừng nâng cao hình ảnh và giá trị thương hiệu của mình lên ngang tầm với các thương hiệu quốc tế trong khu vực.
- Về chiến lược sản phẩm, PNJ sẽ tiếp tục theo đuổi con đường là người dẫn dắt thị trường và hướng vào khách hàng. Với cách tổ chức mô hình kinh doanh chủ động từ khâu thiết kế, chế tác và phân phối, PNJ hoàn toàn có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và xây dựng được những dấu ấn thiết kế riêng thông qua từng bộ sưu tập có tính thương mại phổ biến hay độc bản. Tiếp tục đưa ra thị trường các sản phẩm vừa đa dạng, vừa khác biệt và tập trung vào các chủng loại hàng hóa có khả năng đem lại tỷ suất lợi nhuận cao.
- Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đạt ưu thế vượt trội về con người và tổ chức bằng cách sắp xếp và vận hành tổ chức theo khối chức năng; xây dựng các chính sách đãi ngộ hấp dẫn và công bằng; thường xuyên đào tạo nâng cao năng lực cho người lao động; động viên và khuyến khích tư duy sáng tạo, ủng hộ các tư duy tích cực, lạc quan và xây dựng được văn hóa doanh nghiệp bền vững.
- Tiếp tục phát triển mạnh mẽ hệ thống cửa hàng bán lẻ theo “chuẩn PNJ” và không ngừng học tập kinh nghiệm quản lý của các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới, nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của từng điểm bán. Thêm vào đó, PNJ sẽ phát triển mạnh các dòng sản phẩm trẻ trung, đẩy mạnh hoạt động của kênh thương mại điện tử, tạo điều kiện để khách hàng tương tác mạnh mẽ hơn qua

các kênh trực tuyến, nhằm xây dựng hình ảnh PNJ luôn là một nhãn hiệu trang sức đổi mới, sáng tạo, phù hợp với xu hướng hiện nay.

- Nâng cao năng lực sản xuất bằng việc đầu tư trang thiết bị hiện đại; tập trung cho R&D để có những sản phẩm sáng tạo hơn, độc đáo hơn; cải tiến các quy trình sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu hóa chi phí.

Chúng tôi tin tưởng rằng với chiến lược tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, triển khai chiến lược từng bước bài bản, vững chắc; có lộ trình đầu tư đúng và đủ cho từng khâu trọng yếu; quản trị tài chính và quản trị rủi ro hiệu quả sẽ là nền tảng vững chắc giúp cho PNJ đạt được các mục tiêu đề ra về mức độ tăng trưởng, mở rộng thị phần, gia tăng lợi nhuận; theo đó thu nhập của người lao động, tổng giá trị đóng thuế của doanh nghiệp, cổ tức của cổ đông và giá trị doanh nghiệp cũng gia tăng. Chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu mà đại hội đồng cổ đông đề ra để xứng đáng với niềm tin mà quý cổ đông, khách hàng đã và đang trao cho chúng tôi.

Thay mặt Hội đồng Quản trị của công ty PNJ, tôi trân trọng cảm ơn các cấp chính quyền, quý vị cổ đông, đối tác, quý khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty đã ủng hộ và đồng hành, chung sức để tạo ra những thành công cho PNJ trong năm 2014. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác trong thời gian sắp tới. Kính chúc các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và các đối tác một năm 2015 sức khỏe, an khang, thịnh vượng và hạnh phúc

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đã ký

CAO THỊ NGỌC DUNG

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG



NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



1988 - 1992

HÌNH THÀNH VÀ XÁC ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Ngày **28/04/1988**, cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Phú Nhuận ra đời, trực thuộc UBND Quận Phú Nhuận trong thời điểm ngành kim hoàn Việt Nam còn non trẻ, chưa phát triển, thị trường còn nhiều hạn chế chính là những thách thức lớn mà 20 con người đầu tiên sáng lập ra PNJ phải vượt qua.

Năm **1992**, PNJ chính thức mang tên Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận sau hai lần đổi tên từ Cửa hàng Kinh doanh Vàng Bạc Phú Nhuận và Công ty Vàng Bạc Mỹ Nghệ Kiều Hối Phú Nhuận, đồng thời xác định chiến lược phát triển là nhà sản xuất kinh doanh trang sức chuyên nghiệp. Tại thời điểm này, PNJ còn mở rộng hoạt động bằng việc sáng lập Ngân hàng Đông Á với tỷ lệ vốn góp 40%.

1993 - 2000

TĂNG TỐC MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI VÀ NGÀNH NGHỀ

Năm **1994**, PNJ thành lập Chi nhánh Hà Nội, mở đầu cho chiến lược mở rộng hệ thống tại các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc về sau như Chi nhánh Đà Nẵng được khai trương năm **1998**, Chi nhánh Cần Thơ được khai trương năm **1999**, hệ thống phân phối PNJ luôn được mở rộng không ngừng.

Giai đoạn này cũng mang đậm dấu ấn trong công tác xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp của PNJ, nữ trang PNJ bắt đầu xuất khẩu. Chỉ sau vài năm từ lúc thành lập, trang sức thương hiệu PNJ nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường, được người tiêu dùng tin yêu và khẳng định uy tín của mình. Với các danh hiệu và giải thưởng đạt được: Chứng nhận danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao", đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3, Huân chương Lao động Hạng 2, PNJ còn được tổ chức DNV cấp chứng nhận Hệ thống Quản trị Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

2001 - 2004

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA

Năm **2001**, Nhân hiệu **PNJSilver** chính thức ra đời đáp ứng nhu cầu làm đẹp cho các bạn trẻ yêu thích trang sức song song với việc tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhãn hàng trang sức vàng PNJ bằng nhiều chương trình tiếp thị gây tiếng vang với sự bảo trợ của Hội đồng vàng thế giới.

Ngày **2/1/2004**: PNJ chính thức cổ phần hóa, chuyển đổi từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận. Cũng trong thời gian này, PNJ đạt danh hiệu **Top 500 Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Châu Á - Thái Bình Dương** và đón nhận **Huân chương Lao động Hạng nhất**.

NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



2005 - 2008

TÁI TUNG THƯƠNG HIỆU VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HÀNG

Đây là giai đoạn phát triển khá mạnh mẽ của PNJ trên mọi mặt. Đặc biệt là trong công tác phát triển thương hiệu và sản phẩm mới, được đánh dấu bằng các sự kiện PNJSilver tái tung hình ảnh mới. Nhân hiệu trang sức CAO Fine Jewellery chính thức ra đời. PNJ là nhà tài trợ trang sức và vương miện cho cuộc thi Hoa hậu Hoàn vũ 2008 tổ chức tại Việt Nam. Và ngày **3/4/2008**, PNJ chính thức công bố thay đổi logo mới nhân kỷ niệm 20 năm thành lập và phát triển với hình ảnh chuyên nghiệp, hiện đại hơn, xứng tầm cho chặng đường mới.

PNJ trở thành một trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo công bố của UNDP và vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý do Chủ tịch nước trao tặng: **Huân chương Độc lập Hạng ba**.

2009 - 2014

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU, TÁI CẤU TRÚC, NỖ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tháng **3/2009**, cổ phiếu PNJ chính thức niêm yết tại HOSE, tăng vốn điều lệ lên **400 tỷ đồng**. Tháng 8/2009 thành lập Công ty TNHH MTV Thời trang CAO cùng với việc bổ sung ngành kinh doanh đồng hồ của các nhãn hiệu nổi tiếng thế giới tại hệ thống PNJ. Trở thành nhà tài trợ trang sức cho cuộc thi **Hoa hậu trái đất năm 2010** được tổ chức tại Việt Nam.

18/10/2012, PNJ đã khánh thành **Xí nghiệp nữ trang PNJ** sau thời gian gần 18 tháng thi công. Với tổng vốn đầu tư là **120 tỷ đồng**, có công suất sản xuất đạt trên 4 triệu sản phẩm/năm và được đánh giá là một trong những xí nghiệp chế tác nữ trang lớn nhất khu vực Châu Á.

Bên cạnh đó PNJ tiếp tục đầu tư, nâng cấp quy mô hệ thống phân phối, khánh thành các trụ sở

và khai trương các Trung tâm kim hoàn tại Kiên Giang, Bình Dương, Biên Hòa, Hà Nội, Đà Nẵng thành những Trung tâm kim hoàn lớn nhất tại các khu vực này. Đặc biệt, PNJ đã chính thức khánh thành Trung tâm trang sức, kim cương và đồng hồ lớn nhất trên toàn hệ thống tại 52A- 52B Nguyễn Văn Trỗi, Q. Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh - đây cũng là trụ sở và cửa hàng kinh doanh vàng bạc đầu tiên của PNJ được thành lập cách đây gần 25 năm đồng thời được xem là một trong những trung tâm trang sức, kim cương lớn nhất tại thị trường Việt Nam.

Năm 2013 là năm đánh dấu những sự kiện quan trọng trong chiến lược phát triển thương hiệu của PNJ. Ngày **10/09/2013**, PNJSilver đã chính thức tái định vị nhãn hàng, ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới mở ra một **"Thế giới Vàng tỏa sáng"** với sắc tím thời trang cũng những đột phá trong chiến lược phát triển sản phẩm và thương hiệu. Song song đó, thương hiệu trang sức vàng PNJ công bố thông điệp mới **"Tôn vinh giá trị đích thực"** với mục đích tôn vinh những giá trị **"vàng"**, những phẩm chất cao quý của

người phụ nữ trong xã hội hiện đại ngày nay trên nền tảng kế thừa hài hòa với các giá trị truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

Xác định cần phải tái cơ cấu lại chiến lược và bộ máy hoạt động để phát triển trường tồn, từ năm 2012, PNJ thuê tư vấn nước ngoài để chuẩn hóa hệ thống quản trị theo chuẩn quốc tế.

Năm 2014, PNJ đã mở hàng loạt TTKH ở các tỉnh thành Việt Nam nâng tổng số cửa hàng bán lẻ trang sức lên đến gần **200** cửa hàng trong toàn quốc.

Kết quả kinh doanh vượt trội của năm **2014** chính là kết quả tái cấu trúc công ty thành công, hướng đến mục tiêu phát triển trường tồn, đưa PNJ trở thành **Công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam**.

NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG



TOP 500 NHÀ BÁN LẺ HÀNG ĐẦU CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG



TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM



CÚP THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CÚP NHÀ LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC



TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

TRƯỚC NĂM 2014

- 1 | PNJ đón nhận danh hiệu Giải vàng Chất lượng quốc gia 2011
- 2 | Được Chính phủ công nhận Thương hiệu Quốc gia 2009 - 2011
- 3 | Được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu trang sức số một HVNCLC do báo SGTT công bố suốt 16 năm liền
- 4 | PNJ là một trong ba doanh nghiệp VN nhận Giải thưởng Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương 2011
- 5 | PNJ đạt TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (19/06/2013)
- 6 | Giải thưởng Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á Thái Bình Dương và nằm trong Top 3 doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Việt nam 2003 - 2012
- 7 | Là doanh nghiệp kim hoàn duy nhất của Việt Nam được xếp thứ 16 trong top 500 công ty sản xuất và kinh doanh nữ trang lớn nhất thế giới do Plimsoll (Anh) công bố năm 2012
- 8 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Thương hiệu mạnh
- 9 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Thương hiệu Việt Nam tốt nhất năm 2007
- 10 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2003 - 2012
- 11 | PNJ đạt chứng nhận và cúp Xác lập kỷ lục Việt Nam “Doanh nghiệp đầu tiên đầu tư công nghệ sản xuất nữ trang hiện đại và quy mô nhất Việt Nam” – năm 2007
- 12 | Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập Hạng 3 (12/6/2008)
- 13 | Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động Hạng nhất, Nhì và Ba (2003, 2000 và 1995)
- 14 | PNJ trở thành đơn vị dẫn đầu được trao tặng cờ thi đua của Chính phủ (2002)
- 15 | PNJ được UBND TP trao tặng cờ thi đua 20 năm xây dựng và phát triển (1988 - 2008)
- 16 | PNJ được Đảng Cộng sản Việt Nam trao tặng cờ thi đua “Tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh” (1995 - 1999)

NĂM 2014

- 17 | Công đoàn PNJ được vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng 3
- 18 | PNJ được Liên đoàn lao động TP.HCM trao tặng cờ thi đua “Công Đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” (2003)
- 19 | PNJ được BCH Trung Ương Đoàn Cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng cơ sở Đoàn vững mạnh (1997 - 2001)
- 20 | Báo cáo thường niên 2012 đạt TOP 50 báo cáo thường niên tốt nhất 2012 (7/2012)
- 21 | Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ được trao tặng Huân chương Lao động Hạng nhất
- 22 | Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ là nữ doanh nhân duy nhất trong Top 5 doanh nhân được trao giải thưởng quốc tế Ernst & Young, bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp của Việt Nam.
- 23 | Bà Cao Thị Ngọc Dung- Tổng giám đốc PNJ nhận giải thưởng 50 Người tiên phong do VNExpress bình chọn (16/10/2012)
- 24 | TGD Cao Thị Ngọc Dung là một trong 10 gương mặt Nữ doanh nhân thành đạt nhất năm 2013 do Tạp chí Forbes bình chọn
- 01 | PNJ nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2014
- 02 | PNJ nhận danh hiệu TOP 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam
- 03 | Bà Cao Thị Ngọc Dung- Tổng giám đốc PNJ nhận giải thưởng 50 Nhà lãnh đạo doanh nghiệp do nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.

A close-up photograph of a fountain pen nib and a diamond. The pen nib is on the left, pointing towards the bottom right. The diamond is on the right, reflecting light. The background is a dark blue, textured surface. The text is overlaid on the right side of the image.

BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN ĐIỀU HÀNH

■ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2015 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. VỀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Năm 2014 là năm thứ 3 trong chiến lược phát triển 10 năm (2012 – 2022) và cũng là năm kết thúc giai đoạn đầu của quá trình tái cấu trúc toàn diện.

Tuy chưa nhận được nhiều tín hiệu hỗ trợ từ nền kinh tế vĩ mô, nhưng với nền tảng đã được xây dựng vững chắc trong 2 năm đầu đổi mới, năm 2014 sẽ đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của PNJ. Đây cũng là năm bản lề, phản ánh kết quả bước đầu của quá trình tái cấu trúc trước khi đi vào giai đoạn tăng tốc để hướng tới các mục tiêu chiến lược dài hạn.

Đứng trước cột mốc quan trọng này, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo vận hành theo đúng định hướng chiến lược đã đề ra.



1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2014

Các mục tiêu trọng yếu của năm đã được thực hiện đồng bộ và đem lại kết quả khả quan, cụ thể như sau:

1.1 MỤC TIÊU NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC:

Sau khi bổ sung nhân sự cho các vị trí còn thiếu, năm 2014 công ty đã cơ bản hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình phát triển mới. Các vị trí chuyên trách được chú trọng đào tạo nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Ngoài việc nâng cao khả năng chuyên môn, Hội đồng quản trị cũng chỉ đạo tăng cường truyền thông nội bộ để toàn thể CB-NV hiểu rõ tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của công ty. Thông qua đó tạo niềm tin, truyền lửa cho đội ngũ người lao động, hun đúc niềm tự hào khi được là một phần trong tập thể những con người ưu tú

1.2 MỤC TIÊU NÂNG CAO MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG:

Không chỉ đem lại sản phẩm tốt, PNJ còn đem lại cho khách hàng niềm tự hào khi được sở hữu những sản phẩm cao cấp, tinh tế và dịch vụ chuyên nghiệp từ đội ngũ nhân viên PNJ. Mỗi nhân viên bán hàng được định hướng là một tư vấn viên, chăm sóc khách hàng với niềm đam mê và tự hào, có thể truyền cảm hứng cho khách hàng thông qua từng câu chuyện đằng sau các món trang sức.

Những bộ sưu tập mới được tung ra thị trường trong năm 2014 như Mystery, Tình bạn, Rose, Royal... đều ghi đậm dấu ấn sáng tạo của PNJ, dẫn đầu xu hướng thời trang trong nước. Khách hàng do đó luôn tin tưởng vào thương hiệu PNJ, xem đây như một cách để thể hiện phong cách sống và đẳng cấp của mình

1.3 MỤC TIÊU Củng cố hệ thống bán hàng hiện tại và phát triển hệ thống mới

Đối với hệ thống hiện tại, Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện mô hình cửa hàng chuẩn, theo đó sẽ bắt đầu thay đổi từ hình ảnh nhận diện, màu sắc, ánh sáng, trang trí, quy cách trưng bày sản phẩm đến tác phong phục vụ chuyên nghiệp. Với việc chuẩn hóa hệ thống, khách hàng sẽ luôn nhận được chất lượng dịch vụ tốt nhất tại bất cứ cửa hàng nào của PNJ trên khắp cả nước. “Quy chuẩn PNJ” được nghiên cứu và xây dựng dựa trên mô hình cửa hàng hiện đại của các nước tiên tiến trên thế giới như Anh, Mỹ, Ý, Hongkong... nhằm từng bước đưa PNJ trở thành một trong những doanh nghiệp nữ trang hàng đầu Châu Á, theo đúng tầm nhìn chiến lược đã đề ra. Để làm được điều này, ngoài việc đào tạo thường xuyên về quy tắc đón tiếp, tư vấn cho khách hàng việc kiểm tra đột xuất/ định kỳ cũng là công tác được chú trọng nhằm giám sát quy trình thực hiện của hệ thống.

Song song với việc củng cố hệ thống cửa hàng hiện hữu, việc nghiên cứu mở rộng hệ thống cũng là mục tiêu quan trọng được Hội đồng quản trị quan tâm. Năm 2014, ngoài việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, Hội đồng quản trị đã thông qua sơ đồ mở rộng mạng lưới đến hết năm 2015, sẵn sàng cho việc phát triển sâu và rộng hơn nữa của chuỗi bán lẻ trang sức PNJ.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.4 HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH:

Năm 2014, PNJ đã xuất sắc hoàn thành vượt kế hoạch ở hầu hết các chỉ tiêu quan trọng như lợi nhuận gộp, doanh thu tài chính, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế...

Đvt: Triệu VND

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN - 2014	TH/KH
Tổng doanh thu	9,124,297	7,294,174	80%
+ Trong đó: Doanh thu trang sức	5,205,448	5,275,349	101%
Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV	677,251	790,172	117%
Doanh thu hoạt động tài chính	27,000	48,071	178%
Lợi nhuận thuần HĐKD	275,676	326,306	118%
Lợi nhuận trước thuế	275,676	326,791	119%
Lợi nhuận sau thuế	220,967	256,571	116%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	279,920	334,966	120%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	202,551	255,816	126%
Phát triển hệ thống bán lẻ	12 cửa hàng	18 cửa hàng	150%
Cổ tức	20%	20%	

Nhận thấy đây là giai đoạn thuận lợi để phát triển mạng lưới, đón đầu chu kỳ hồi phục của nền kinh tế, Hội đồng quản trị đã thông qua việc đẩy mạnh phát triển hệ thống bán lẻ, nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần tại các thị trường mục tiêu. Đây là một trong những quyết định hết sức đúng đắn khi tất cả các cửa hàng mới mở trong 2014 đều nhanh chóng đạt doanh thu kỳ vọng và thu hút được đông đảo khách hàng trung và cao cấp trong khu vực đến tham quan, mua sắm, nhờ đó góp phần đem lại tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn so với kế hoạch.

2. VỀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 3 (2012 – 2017) chính thức bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 14/04/2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã tổ chức 26 phiên họp định kỳ, ban hành 28 biên bản, nghị quyết, quyết định thực hiện các nhiệm vụ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 như sau:

Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt (10%) và trích lập các quỹ theo Điều 5 của Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt: 12%

Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2014
Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ công nhân viên năm 2013

Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận phù hợp với Điều Lệ Mẫu và phù hợp tình hình thực tế của doanh nghiệp
Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của bà Nguyễn Thị Hương Giang và bổ nhiệm ông Andy Ho làm thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận với nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 3 (2012 – 2017).

3. VỀ TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 26 cuộc họp; qua đó đã ban hành 28 biên bản, nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị công ty. Các cuộc họp đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những phát sinh.

Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo Điều lệ.

4. VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm vai trò trong Ban điều hành có trách nhiệm tham dự các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc định kỳ tuần, tháng, quý. Do đó, Hội đồng quản trị luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, cũng như phối hợp tốt với Ban Tổng Giám đốc để đưa ra các quyết sách đúng đắn, khắc phục khó khăn, nỗ lực đạt kế hoạch đã đề ra.

Nhìn chung, công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, đạt được kế hoạch do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra

BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. NHÂN SỰ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ngày 14/04/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 – năm 2012 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 3 (2012 – 2017) với bảy thành viên, trong đó bà Cao Thị Ngọc Dung là Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Vũ Phan là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của bà Nguyễn Thị Hương Giang vì lý do cá nhân theo đơn xin từ nhiệm và bổ nhiệm ông Andy Ho làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty với nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 3 (2012 – 2017). Thời gian hiệu lực: kể từ ngày 03/03/2014.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần đoàn kết đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

3. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị 26,600,000 đồng/tháng
 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị 20,600,000 đồng/tháng
 Ủy viên Hội đồng quản trị 16,600,000 đồng/tháng

4. LƯƠNG, THƯỜNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM NHIỆM CHỨC DANH ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY:

Hiện nay, PNJ có ba thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
 Lương, trợ cấp của Tổng giám đốc # 130,000,000 đồng/tháng
 Thưởng # 2.5 tháng lương (bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1.5 tháng lương ABC)
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
 Lương, trợ cấp của Phó Tổng giám đốc # 79,800,000 đồng/tháng
 Thưởng # 2.5 tháng lương (bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1.5 tháng lương ABC)
- Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
 Lương, trợ cấp của Phó Tổng giám đốc # 92,500,000 đồng/tháng
 Thưởng # 2.5 tháng lương (bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1.5 tháng lương ABC)

Ngoài ra, PNJ không có thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty con. Các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không tham gia điều hành Công ty và các công ty con.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015:

Hiện nay, PNJ có ba thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
 Lương, trợ cấp của Tổng giám đốc # 130,000,000 đồng/tháng
 Thưởng # 2.5 tháng lương (bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1.5 tháng lương ABC)
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
 Lương, trợ cấp của Phó Tổng giám đốc # 79,800,000 đồng/tháng
 Thưởng # 2.5 tháng lương (bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1.5 tháng lương ABC)
- Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực với mức lương, thưởng được chi trả như sau:
 Lương, trợ cấp của Phó Tổng giám đốc # 92,500,000 đồng/tháng
 Thưởng # 2.5 tháng lương (bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1.5 tháng lương ABC)

Ngoài ra, PNJ không có thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty con. Các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không tham gia điều hành Công ty và các công ty con.

1. TẠO NỀN TẢNG ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC ƯU THẾ VƯỢT TRỘI VỀ CON NGƯỜI VÀ TỔ CHỨC

Để đạt được mục tiêu này trước tiên phải sắp xếp và vận hành cấu trúc tổ chức theo khối chức năng, đồng thời đảm bảo sức mạnh của cấu trúc trực tuyến.

Xây dựng các chính sách đãi ngộ, lương thưởng công bằng, hấp dẫn nhằm thu hút cũng như giữ chân những cán bộ có năng lực và tay nghề cao.

Không ngừng đào tạo, nâng cao năng lực cho người lao động. Xây dựng chuẩn cơ sở về năng lực lõi để làm căn cứ cung ứng và đào tạo nguồn nhân lực đạt và vượt chuẩn.

Lưu giữ và phát huy văn hóa doanh nghiệp đặc trưng của PNJ trong quá trình phát triển nhanh chóng mạng lưới và đội ngũ.

2. PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI VÀ NÂNG CAO SỰ THỎA MÃN CỦA KHÁCH HÀNG:

Tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu ở mảng kinh doanh cốt lõi

Về mặt hệ thống phân phối, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục giám sát việc xây dựng “chuẩn PNJ” trong quy trình phát triển mạng lưới cũng như bán hàng, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng doanh thu trung bình trên mỗi Cửa hàng và không ngừng học hỏi, áp dụng các kinh nghiệm quản lý quốc tế.

Tiến hành mở rộng mạnh mẽ hệ thống theo sơ đồ điểm bán đã được Hội đồng quản trị nghiên cứu và thông qua.

Ngoài kênh lẻ, kênh si cũng được xây dựng theo chuẩn PNJ, đem đến chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp hơn so với các đối thủ trong cùng ngành. Kênh si không chỉ chú trọng mở rộng thị phần mà còn đi sâu khai thác tiềm năng của từng điểm bán hiện hữu để tăng hiệu quả hoạt động cho toàn hệ thống.

Để nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng, công ty sẽ tiếp tục sáng tạo, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm. Bộ phận chăm sóc khách hàng được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác tốt dữ liệu nhằm đưa ra các chính sách chăm sóc hậu mãi hấp dẫn để ngày càng có nhiều khách hàng trung thành hơn với thương hiệu.

BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. CÙNG CỐ VÀ TĂNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT:

Đầu tư trang thiết bị hiện đại cũng như nâng cao trình độ của người lao động nhằm đáp ứng mô hình quản lý hiện đại theo đặc thù ngành.

Phát triển chức năng R&D của XNNT, cho phép bộ phận quản lý trực tiếp tự tìm tòi, sáng tạo ra các phương thức chế tác hiệu quả hơn, hoặc cải tiến quy trình để tăng năng suất lao động.

Thực hiện dự án tối ưu hóa chi phí và năng lực sản xuất dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

4. TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN:

Với những nỗ lực thay đổi nhằm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu tăng trưởng như sau:

Dvt: Triệu VND

CHỈ TIÊU	TH 2014	KH 2015	TĂNG TRƯỞNG
Tổng doanh thu	7,294,173	8,227,568	13%
<i>Trong đó, Doanh thu trang sức</i>	<i>5,275,349</i>	<i>6,703,565</i>	<i>27%</i>
Lợi nhuận gộp	790,172	976,516	24%
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>48,071</i>	<i>12,000</i>	<i>-75%</i>
Lợi nhuận trước thuế	326,790	380,126	16%
Lợi nhuận sau thuế	256,571	300,000	17%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	334,966	388,000	16%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	255,816	306,400	20%
Phát triển mạng lưới	Mở mới 18 CH	Mở mới 35 CH	94%
Kế hoạch cổ tức	20%	20%	

Trong năm 2015, PNJ sẽ biến những nền tảng đã xây dựng trong các năm qua thành bộ phóng đưa doanh nghiệp bước sang giai đoạn phát triển mới thần tốc hơn. Từ những kinh nghiệm đã được đúc kết trong giai đoạn đầu tái cơ cấu, Hội đồng quản trị hoàn toàn tin tưởng vào việc thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược và đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2014 và định hướng hoạt động năm 2015 của HĐQT Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CAO THỊ NGỌC DUNG



VƯƠNG MIỆN HOA HẬU ĐẠI DƯƠNG do PNJ chế tác & sản xuất

BÁO CÁO

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên; từng thành viên Ban kiểm soát tiếp tục phát huy năng lực làm việc độc lập cũng như phối hợp chặt chẽ trong những nhiệm vụ cần thiết.

Sâu sát với thực tiễn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành PNJ, BKS đã thực hiện được chức trách của quý cổ đông giao.

Ban kiểm soát đặt mục tiêu công việc vào những vấn đề trọng yếu, chú trọng kiểm soát mức độ an toàn và hiệu quả từ thông tin đến hành động của PNJ, cụ thể:

Duy trì việc giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc (BTGD) và cán bộ quản lý khác.

Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa cấp đơn vị, thành viên trong từng đơn vị như Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Tổng Giám đốc và cổ đông và những người khác theo quy định của pháp luật.

Giám sát tình hình và kết quả triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của nhiệm kỳ và năm 2014, nghị quyết và các quyết định, chỉ thị khác của Hội đồng quản trị (HDQT). Giám sát thực hiện các quy chế, quy định khác của PNJ.

Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty PNJ.

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và các quy định riêng của PNJ.

Thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2014 như sau:

Trưởng BKS : 11,300,000 đồng/tháng
 Thành viên BKS : 4,800,000 đồng/tháng

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:

1. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH:

Năm 2014 là năm thứ ba của nhiệm kỳ 2012-2017, với tình hình kinh tế thị trường quốc tế và Việt Nam đang còn tồn tại những khó khăn rất lớn đan xen những điểm tích cực không nhiều. Với riêng PNJ cũng là năm thứ ba triển khai chiến lược tái cấu trúc toàn Công ty, đây là giai đoạn rất quan trọng, nếu sự lãnh đạo của HĐQT dù có chút sai lầm nhỏ cũng sẽ dẫn đến lệch mục tiêu chiến lược hoặc làm kéo dài tiến trình tái cấu trúc tạo ra lãng phí lớn. Với thách thức đó, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện:

Triển khai đầy đủ các vấn đề nêu trong nghị quyết (NQ) ĐHCĐ năm 2014, những mục tiêu và giải pháp nêu trong nghị quyết của nhiệm kỳ đều được xem xét, bàn luận và triển khai đồng bộ vào thực tiễn hoạt động của PNJ.

Từng nghị quyết, trong mọi lãnh đạo HĐQT đã tuân thủ nghiêm các quy chế, điều lệ của PNJ và pháp luật.

Đánh giá đúng nội lực và tiềm năng của PNJ, xem xét kỹ lưỡng môi trường kinh doanh và không gian hoạt động của PNJ hiện tại và tương lai, định vị rõ hơn tầm nhìn, sứ mạng của PNJ, tạo bước đột phá mới cho mọi chiến lược hoạt động của Công ty.

Kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư khác, thoái vốn hiệu quả những khoản đầu tư khi thuận lợi. Những khoản đầu tư mới và mở rộng đều tập trung cho hoạt động cốt lõi sản xuất – kinh doanh trang sức.

PNJ tập trung vào giảm giá thành bằng cách tăng năng lực sản xuất thay thế tỷ lệ lớn hàng nhập ngoại. Ưu tiên kinh doanh dòng sản phẩm mang lại hiệu quả cao mà PNJ có lợi thế sản xuất.

Thoái vốn đầu tư hiệu quả khoản đầu tư vào SFC mang lợi nhuận về cho Công ty 35.87 tỷ đồng.

Nỗ lực phát triển hệ thống kênh phân phối, mở cửa hàng mới theo một quy trình chặt chẽ hiệu quả.

Hoạt động đầu tư trong năm 2014 bám sát định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, những khoản đầu tư đều nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng theo định hướng chiến lược trung và dài hạn, có những khoản đầu tư đã phát huy hiệu quả ngay trong quá trình đầu tư và đóng góp tạo ra kết quả kinh doanh tốt đẹp trong năm 2014.

Lợi nhuận sau thuế của riêng PNJ tăng 40.7% so với năm 2013, vượt 16.2% kế hoạch. EPS đạt 3,396 đồng – tăng mạnh 40.7% so với năm 2013.

Kết luận: Qua công tác giám sát, các hoạt động của HĐQT, BTGD và các nghiệp vụ trọng yếu của PNJ đã được phản ánh đầy đủ và trung thực trong các tài liệu (hồ sơ) của PNJ, phù hợp năng lực và điều lệ, quy chế của PNJ và pháp luật.

2. THẨM TRA VỀ VIỆC PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014

Theo Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2014 của HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ, Ban kiểm soát nhận định phương án phân phối lợi nhuận năm 2014, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của PNJ, phương án chia cổ tức 25%/mệnh giá vượt 5% kế hoạch năm 2014 đã được ĐHCĐ thường niên 2014 thông qua là 20%, trong đó phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức tỷ lệ 10% mệnh giá để tăng vốn điều lệ giúp PNJ giảm bớt khoản vay thường xuyên để đáp ứng phát triển kênh phân phối và sản xuất.

Lợi nhuận phân phối: 255,871,804,695 đồng

Trong đó:

Chia cổ tức: 25%/mệnh giá tương ứng 188,990,819,000 đồng

PNJ đã tạm ứng cổ tức đợt 1 tỷ lệ 12%/mệnh giá bằng tiền mặt trong năm 2014. Dự kiến PNJ sẽ chi tiếp cổ tức đợt 2 năm 2014 với tỷ lệ là 13%/mệnh giá, trong đó 10% bằng cổ phiếu và 3% bằng tiền mặt.

Trích lập các quỹ: 63,587,181,000 đồng, cụ thể:

Đvt: Triệu VND

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Quỹ dự phòng tài chính		(10% lợi nhuận sau thuế)
Quỹ đầu tư phát triển	33,000,000,000	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	25,587,181,000	
Quỹ hoạt động của HĐQT – BKS	2,000,000,000	
Quỹ hoạt động Ban Tổng Giám đốc	3,000,000,000	

Lợi nhuận để lại: 3,293,804,695 đồng.

BÁO CÁO

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

3. KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH

3.1 Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả kinh doanh của Tập đoàn PNJ như sau:

Đvt: Triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	CHỈ TIÊU			CHỈ TIÊU		
	Năm 2014	Năm 2013	SS %	Năm 2014	Năm 2013	SS %
1. Tổng tài sản	2,813,187	2,813,187	110	2,828,672	2,956,698	96
Trong đó:						
Tiền và các khoản tương đương tiền	269,739	269,739	92	272,305	507,822	54
Các khoản phải thu ngắn hạn	76,313	76,313	118	71,325	76,021	94
Hàng tồn kho	1,420,997	1,420,997	145	1,437,416	1,087,344	132
Tài sản cố định	452,200	452,200	104	452,468	550,009	82
Các khoản đầu tư tài chính	531,800	531,800	72	531,864	589,705	90
Tài sản khác	62,138	62,138	124	63,294	60,808	104
Lợi thế thương mại				0	84,989	
2. Tổng nguồn vốn	2,813,187	2,813,187	110	2,828,672	2,956,698	96
Trong đó:						
Nợ phải trả ngắn hạn	1,408,893	1,408,893	122	1,394,565	1,415,480	99
Nợ phải trả dài hạn	137,584	137,584	106	137,584	135,200	102
Vốn chủ sở hữu	1,266,710	1,266,710	99	1,296,523	1,318,220	98
Lợi ích của cổ đông thiểu số				-	87,798	
3. Kết quả kinh doanh						
Doanh thu bán hàng	7,294,174	7,294,174	96	9,297,810	8,973,965	104
Lợi nhuận gộp về HĐKD	790,172	790,172	132	889,235	669,687	133
Thu nhập từ HĐTC	48,071	48,071	182	18,739	23,798	79
Thu nhập khác	1,510	1,510	102	2,668	3,181	84
Chi phí hoạt động	(416,883)	(416,883)	128	(484,572)	(375,869)	129
Chi phí tài chính	(95,054)	(95,054)	153	(90,254)	(84,970)	106
Chi phí khác	(1,026)	(1,026)	89	(1,586)	(2,240)	71
Lợi nhuận trước thuế	326,790	326,790	136	335,034	233,007	144
Chi phí thuế TNDN	(70,308)	(70,308)	121	(79,455)	(64,190)	124
Thuế nhập thuế TNDN hoãn lại	219	219	99	293	220	133
Lợi nhuận sau thuế TNDN	256,701	256,701	142	255,871	169,037	151

Đánh giá mức độ biến động và tăng trưởng của Tập đoàn PNJ

Về tổng tài sản: 2,828 tỷ 672 triệu đồng giảm 4% so với cùng kỳ do PNJ thoái vốn đầu tư tại SFC. Trong khi đó tổng tài sản riêng của PNJ là 2,813 tỷ 187 triệu đồng tăng 10% so với cùng kỳ chủ yếu tăng mạnh hàng tồn kho (Mở rộng kênh phân phối và tập trung hàng hóa vào cuối năm và các ngày lễ 14/2 và 8/3).

Tổng nguồn vốn: 2,828 tỷ 672 triệu đồng, giảm 4% so với cùng kỳ 2013, trong đó nợ ngắn hạn giảm 1%, vốn chủ sở hữu giảm 2%, lợi ích cổ đông giảm 3%. Trong khi đó vay dài hạn tăng 2% so với năm 2013. Đối với tổng nguồn vốn riêng của PNJ là 2,813 tỷ 187 triệu đồng, tăng 10% chủ yếu tăng khoản nợ vay phục vụ kinh doanh cuối năm.

Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của riêng PNJ là 1,266 tỷ 710 triệu đồng, giảm 7.4 tỷ đồng (0.6%) so với cùng kỳ 2013 và chiếm tỷ trọng 98.3% tổng Vốn chủ sở hữu tập đoàn.

Vốn điều lệ riêng PNJ : 755,970,350,000VNĐ không biến động trong năm 2014.

3.2 Đánh giá một số tỷ số tài chính (thời điểm 31/12 hàng năm)

Đvt: Triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	TẬP ĐOÀN PNJ				PNJ			
	2012	2013	2014	Tăng / giảm 2014 - 2013	2012	2013	2014	Tăng / giảm 2014 - 2013
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	20.49%	12.82%	19.74%	6.91%	19.10%	14.32%	20.27%	5.95%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (1)	40.38%	23.38%	33.85%	10.47%	35.74%	25.23%	33.96%	8.73%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	10%	6.15%	8.85%	2.70%	9%	7.22%	9.55%	2.33%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3.79%	1.90%	2.78%	0.88%	3.45%	2.42%	3.57%	1.15%
Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu thuần (BH & CCDV) (2)	8.91%	7.51%	9.67%	2.15%	8.60%	7.95%	10.98%	3.03%
Vòng quay tổng tài sản (3)	2.46	3.24	3.18	(0.06)	2.46	2.99	2.68	-0.31
Vòng quay hàng tồn kho	6.95	8.78	6.58	(2.20)	6.75	7.87	5.33	-2.54
Vòng quay tài sản cố định	16.34	19.18	19.85	0.68	16.04	17.41	16.21	-1.20
Tổng nợ/ Tổng tài sản	51.17%	52.45%	54.16%	1.72%	52.65%	50.25%	54.97%	4.72%
Khả năng thanh toán hiện hành	1.19	1.21	1.31	0.10	1.17	1.19	1.29	0.10
Khả năng thanh toán nhanh (4)	0.41	0.45	0.28	(0.16)	0.41	0.34	0.28	-0.06

Ghi chú:

(1) Vốn điều lệ, tính theo bình quân gia quyền.

(2) Tính riêng cho hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

(3) (Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ)/(Tổng tài sản tính bình quân).

(4) Nếu xét đến đặc thù hàng tồn kho theo của ngành khả năng thanh toán nhanh có thể bao gồm phần lớn giá trị hàng tồn kho là vàng, như vậy về bản chất hệ số này sẽ ở mức cao hơn nhiều.

Nhìn chung, những chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của riêng PNJ và cả Tập đoàn PNJ năm 2014 đều thể hiện sự ổn định và an toàn, cho thấy rằng PNJ có hệ thống quản trị tốt và hoạt động hiệu quả.

BÁO CÁO

KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2014, giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. HĐQT và Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

BKS cũng không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2014. BKS cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

III. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Chiến lược của cả nhiệm kỳ hiện đang được HĐQT triển khai thông qua BTGD rất tốt, đây là một nhiệm kỳ rất quan trọng do tác động của các chiến lược tái cấu trúc Công ty, quyết định đến sự phát triển của PNJ trong nhiều năm tới. Đã có những chỉ tiêu đạt vượt hơn sự kỳ vọng nhưng vẫn còn khoảng cách khá xa để đạt tầm nhìn, kiên trì sứ mệnh của PNJ, trong khi đó chỉ còn tròn hai năm là nhiệm kỳ HĐQT (2012-2017) đóng lại, trong bối cảnh nội tại BKS kiến nghị HĐQT và BTGD PNJ những nội dung sau:

1. KIẾN NGHỊ VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT cần nhắc công bố tầm nhìn đã được đúc kết và định vị rõ ràng hơn, từ đó soát xét chiến lược thành phần cho đồng nhất.

HĐQT duy trì sự tập trung chỉ đạo để đạt được sự thành công lớn hơn trong việc xây dựng nền tảng và các trụ cột vận hành doanh nghiệp; hoàn chỉnh cấu trúc cơ cấu tổ chức và nhân sự; kết nối khai thác tích hợp hệ thống thông tin quản lý thông minh; phát triển mạng lưới bán lẻ, và các kênh bán hàng khác; phát triển năng lực sản xuất và cung ứng; kiểm soát tài chính duy trì gia tăng của dòng tiền vào lợi nhuận; nâng cấp hệ thống quản lý tích hợp; nâng cao năng lực chuỗi nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới – công nghệ mới.

Về định hướng văn hóa trong doanh nghiệp: đúc kết và công bố văn hóa doanh nghiệp mới của PNJ là nơi hội tụ những người chuyên nghiệp giỏi và thành đạt. PNJ là công ty trách nhiệm và sáng tạo trong những hoạt động xã hội và cộng đồng.

2. KIẾN NGHỊ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Khai thác đồng bộ các khoản đầu tư nội bộ đã hình thành nguồn lực hiện hữu, phòng ngừa lãng phí sau đầu tư.

Nâng cao hiệu quả quản trị chuỗi cung ứng, giảm hơn nữa chi phí tồn kho.

Tăng hiệu quả trong từng quá trình của PNJ thông qua việc đo lường và cải tiến quá trình; phát triển phần mềm IT tích hợp để khai thác hiệu quả hơn kho thông tin của Công ty.

Trên đây là Báo cáo kiểm soát hoạt động PNJ năm 2014 của Ban Kiểm soát kính trình ĐHQĐ thường niên 2015.

Ban Kiểm soát chân thành cảm ơn Quý vị Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc PNJ đã tin tưởng và hợp tác chặt chẽ ngày càng hiệu quả trong thời gian qua. Mong tiếp tục nhận được sự hợp tác chặt chẽ trong thời gian tới.



BỘ TRANG SỨC NGỌC TRAI do PNJ chế tác & sản xuất

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG VÀNG NĂM 2014:

1. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

Tuy còn nhiều thách thức nhưng năm 2014 vẫn là một năm đánh dấu cho sự ổn định và tăng trưởng của nền kinh tế vĩ mô. Chỉ số lạm phát vẫn được duy trì ở mức thấp trong khi tăng trưởng GDP lần đầu tiên trong vòng ba năm đã vượt mục tiêu kế hoạch, đạt 5.98%. Các chỉ số về sản xuất công nghiệp và bán lẻ cũng đạt mức tăng trưởng cao cho thấy sự hồi phục của tổng cầu.

Đây có thể coi là thành quả riêng của nền kinh tế Việt Nam hơn là kết quả của sự ổn định kinh tế toàn cầu. Ngược lại kinh tế thế giới đã trải qua một năm tồi tệ với những xung đột sâu sắc giữa Nga và phương Tây, sự trở dậy của nhà nước hồi giáo cực đoan, sự tăng trưởng chậm của nền kinh tế Trung Quốc, đại dịch Ebola... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tốc độ phát triển.

2. THỊ TRƯỜNG VÀNG VIỆT NAM

2.1 Thông tư 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 – Một chính sách quản lý chất lượng mới bảo vệ tốt hơn cho người tiêu dùng và tạo cơ hội cho PNJ mở rộng thị phần:

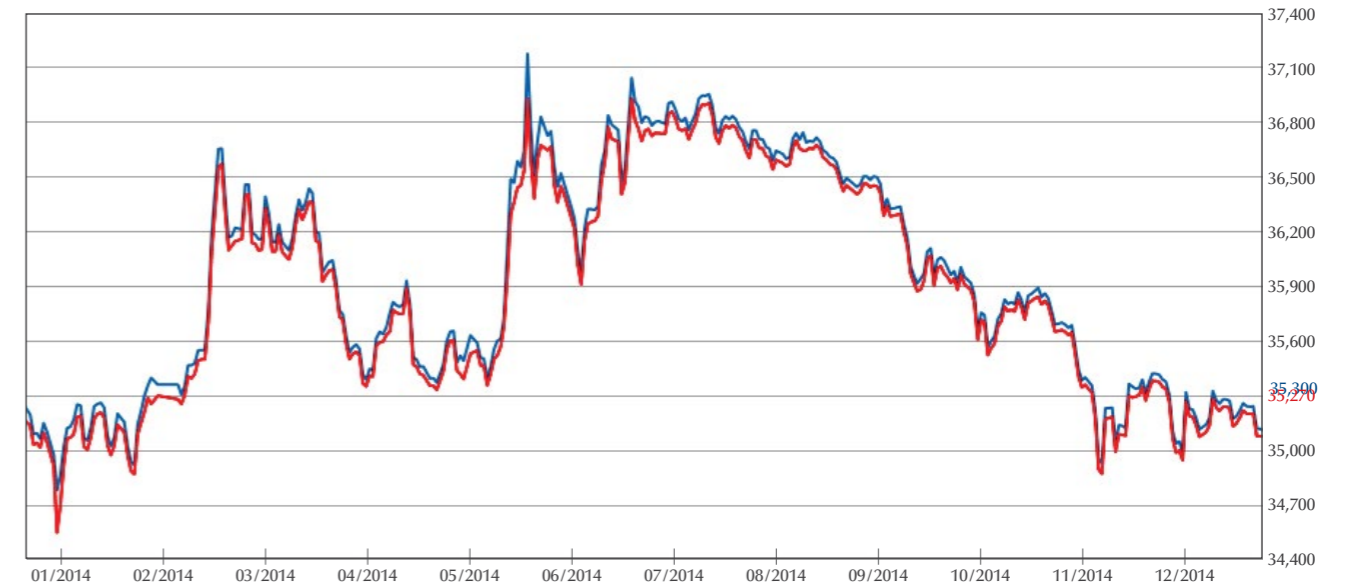
Thông tư 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 với mục tiêu minh bạch hóa chất lượng vàng trang sức và bảo vệ tốt hơn cho người tiêu dùng là một bước ngoặt của thị trường vàng trang sức Việt Nam. Từ nền tảng ban đầu sau hơn một năm quyết tâm thực thi Thông tư 22 về quản lý chất lượng vàng trang sức từ các cơ quan quản lý nhà nước, thị trường vàng trang sức Việt Nam được kỳ vọng sẽ minh bạch hơn và đây cũng chính là cơ hội cho các doanh nghiệp lớn có thương hiệu trong đó có PNJ nhờ vào mạng lưới rộng khắp và qui mô sản xuất vượt trội. Nói cách khác, hiệu ứng gián tiếp của Thông tư 22 đã tạo cơ hội vô cùng thuận lợi cho PNJ nhanh chóng phát triển thị phần, dựa trên nền tảng danh tiếng về độ tinh cậ và tinh tế của sản phẩm mà công ty đã bền bỉ xây dựng thành công hơn 20 năm qua.

2.2 Tổng cầu thị trường vàng trang sức Việt Nam năm 2014 tăng trưởng về số lượng nhưng sụt giảm về giá trị do ảnh hưởng của giá vàng:

Với những khó khăn chung của nền kinh tế, sẽ không khó hiểu khi thị trường vàng trang sức thế giới năm vừa qua chứng kiến sự suy giảm sâu về lực cầu trên hầu hết các thị trường trọng yếu. Trung quốc giảm 39% giá trị trang sức bán ra so với cùng kỳ, Nhật giảm 17%, Ấn Độ giảm 4%, Mỹ giảm 1% trên mức giảm 19% của toàn thị trường. Thị trường Việt Nam cũng không phải ngoại lệ, kết thúc năm 2014, tổng giá trị tiêu thụ trang sức của toàn thị trường là 519 triệu USD, giảm 8% so với cùng kỳ do giá vàng giảm dù sản lượng tăng 4%.

Nguồn: Theo BC 2014 của Hội đồng Vàng Thế Giới – WGC

BIỂU ĐỒ GIÁ VÀNG 2014

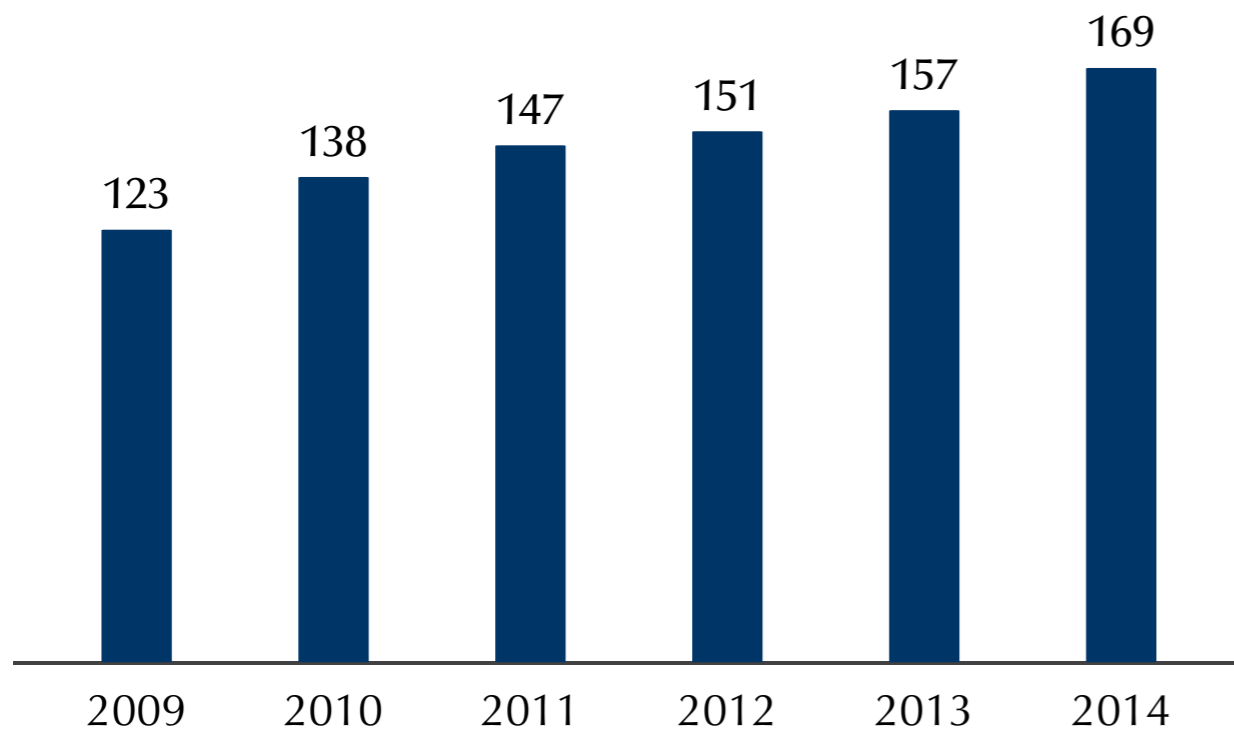


BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.3 Thị trường vàng trang sức Việt Nam năm 2014 chứng kiến sự tăng trưởng thị phần mạnh mẽ của các nhà bán lẻ có thương hiệu, nổi bật là PNJ

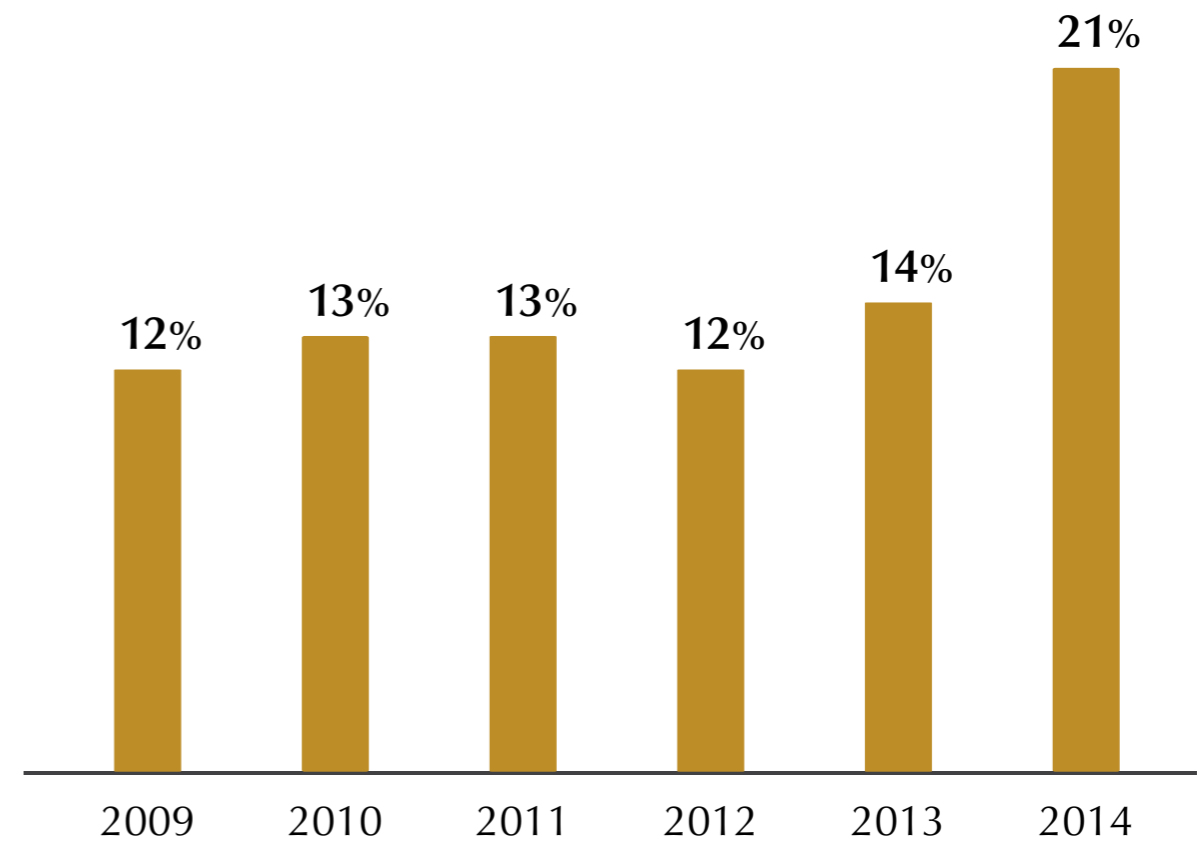
Mặc dù tổng cầu giảm, năm 2014 chứng kiến sự phát triển nhanh chóng của các chuỗi bán lẻ trang sức vàng, minh chứng cho xu hướng dịch chuyển của người tiêu dùng sang các thương hiệu nữ trang có mạng lưới rộng. PNJ, với lợi thế thương hiệu hơn 25 năm và mạng lưới gần 170 cửa hàng trên toàn quốc, đã dẫn đầu xu thế nhanh chóng mở rộng thị phần.

SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG PNJ TỪ NĂM 2009 - 2014



(*) Trong năm 2014, công ty đã đóng một số cửa hàng Jemma độc lập để xây dựng các cửa hàng tập trung – bán nhiều nhãn.

THỊ PHẦN BÁN LẺ NỮ TRANG CỦA PNJ
Từ năm 2009 - 2014 (%)



(*) Nguồn: Hội đồng vàng thế giới và PNJ

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014:

1. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014 – HẦU HẾT CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH ĐỀU ĐẠT VÀ VƯỢT SO VỚI KẾ HOẠCH

Sau nhiều năm theo đuổi dòng trang sức cao cấp với sự tin tưởng tuyệt đối vào tiềm năng phát triển của thị trường Việt Nam thì, năm 2014 chính là năm thể hiện rõ nét sự chuyển dịch này của thị trường. Khách hàng tìm đến sản phẩm vàng trang sức không còn đặt nặng yếu tố đầu tư, tích trữ như trước đây, thay vào đó là nhu cầu làm đẹp để thể hiện phong cách sống của bản thân. Điều này đã nằm trong định hướng chiến lược của PNJ, nhờ đó công ty nhanh chóng nắm bắt được cơ hội và biến chúng thành những con số tăng trưởng ấn tượng.

Sau giai đoạn tăng trưởng chậm nhằm tập trung tái cơ cấu, năm 2014 ghi dấu sự tăng tốc đầy mạnh mẽ của PNJ. Kết thúc năm 2014 lợi nhuận gộp công ty mẹ đạt 790 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, vượt 17% chỉ tiêu kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 326 tỷ đồng, tăng 36%, vượt 18% chỉ tiêu kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế tăng 41%, vượt 16% kế hoạch năm.

Đây có thể coi là niềm động viên to lớn cho những gì mà PNJ đã quyết tâm thực hiện trong 2 năm vừa qua. Một chiến lược phát triển phù hợp cộng với tinh thần sẵn sàng thay đổi, chấp nhận mọi thách thức để vươn tới mục tiêu là những yếu tố đem tới thành công cho PNJ trong năm vừa qua.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014 – THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đvt: Triệu VND

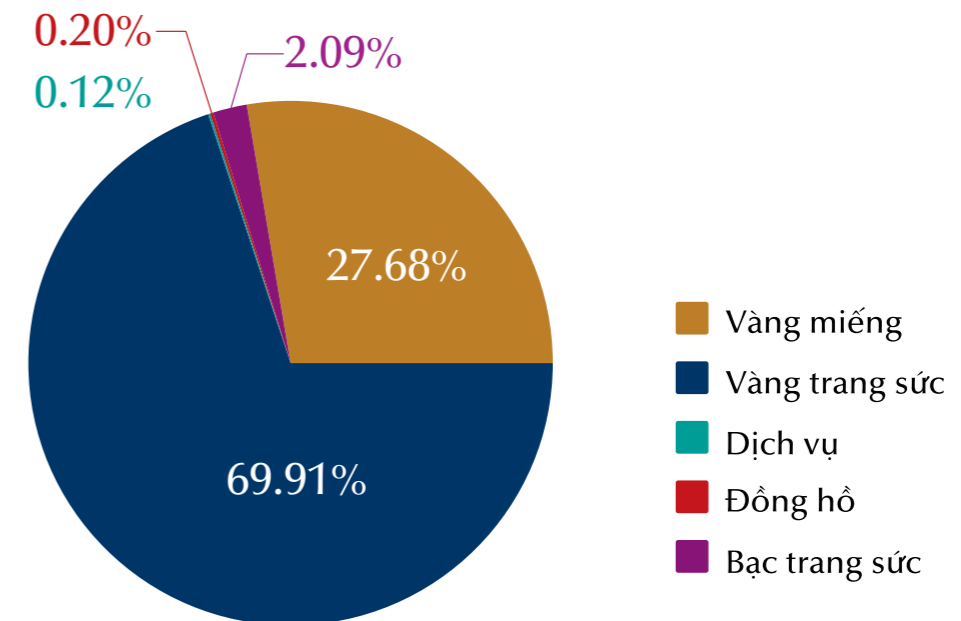
CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Năm 2014		+/- (%)	TH/KH
		2014	2013		
Tổng doanh thu	9,124,297	7,294,174	7,603,581	-4%	80%
+ Trong đó: Doanh thu trang sức	5,205,448	5,275,349	4,296,745	23%	101%
Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV	677,251	790,172	599,778	32%	117%
Doanh thu hoạt động tài chính	27,000	48,071	26,361	82%	178%
Chi phí hoạt động tài chính	85,000	95,054	62,134	53%	112%
Chi phí bán hàng	253,400	310,940	232,532	34%	123%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	90,175	105,944	91,804	15%	117%
Lợi nhuận thuần HĐKD	275,676	326,306	239,510	36%	118%
Lợi nhuận trước thuế	275,676	326,791	240,111	36%	119%
Lợi nhuận sau thuế	220,967	256,571	182,394	41%	116%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	279,920	334,966	233,007	44%	120%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	202,551	255,816	169,037	51%	126%
Phát triển hệ thống bán lẻ	12 cửa hàng	18 cửa hàng			150%
Cổ tức	20%	45%			

Chi trả cổ tức 2014 15% bằng tiền mặt và 30% bằng cổ phiếu.

2. DOANH THU NĂM 2014 – DOANH THU TRANG SỨC TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẠC ĐÚNG THEO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN MẢNG KINH DOANH CỐT LÕI

Cơ cấu doanh thu thay đổi đáng kể so với cùng kỳ, trong đó vàng miếng chỉ chiếm 28% thay vì 43% trong năm 2013, vàng trang sức tăng từ 54% trong năm 2013 lên 70% trong năm 2014. Thể hiện quyết tâm của Công ty trong định hướng phát triển mạnh mẽ kinh doanh cốt lõi, tập trung cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp của toàn công ty. Hai yếu tố chính tác động đến việc thay đổi này là chiến lược dài hạn của ban điều hành và xu hướng tiêu dùng của thị trường. Về mặt chiến lược, vàng miếng vẫn sẽ là hoạt động kinh doanh truyền thống, vàng trang sức sẽ được đầu tư mạnh mẽ để đạt tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững hơn nữa trong các năm tiếp theo. Xét về mặt thị trường năm 2014, giá vàng đi ngang cũng khiến khách hàng không mấy mặn mà với vàng miếng, trong dài hạn đây cũng chính là mục tiêu của chính phủ để chuyển hóa nguồn vốn vàng thành tiền mặt lưu thông.

CƠ CẤU DOANH THU 2014



Đvt: Triệu VND

CHỈ TIÊU	TH 2014	KH 2015	TĂNG TRƯỞNG
Vàng miếng	2,018,825	3,268,239	-38%
Vàng trang sức	5,099,662	4,184,756	22%
Bạc trang sức	152,280	131,427	16%
Đồng hồ	14,726	10,422	41%
Dịch vụ	8,680	8,737	-1%
Tổng doanh thu	7,294,174	7,603,581	-4%

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.1 Tăng trưởng mạnh ở mảng kinh doanh cốt lõi, trang sức vàng si và lẻ

Năm 2014, doanh thu trang sức vàng chiếm 70% tổng doanh thu, đem lại 85% tổng lợi nhuận gộp, ngày càng khẳng định vai trò là hoạt động kinh doanh cốt lõi của PNJ. Doanh thu trang sức vàng năm 2014 tăng 22%, cao nhất trong vòng ba năm trở lại đây. Tốc độ tăng trưởng này là kết quả ban đầu của hoạt động đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ sản xuất, đào tạo nghệ nhân, tái tổ chức đội ngũ bán hàng và hoạt động bán lẻ, và hoạt động điều hành dựa trên nền tảng số liệu nhờ vào hệ thống ERP tiên tiến. Đây là mảng kinh doanh sẽ tiếp tục được chú trọng đầu tư phát triển và kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong các năm tiếp theo.

2.1.1 Kinh doanh trang sức vàng bán lẻ (TSV Bán Lẻ):

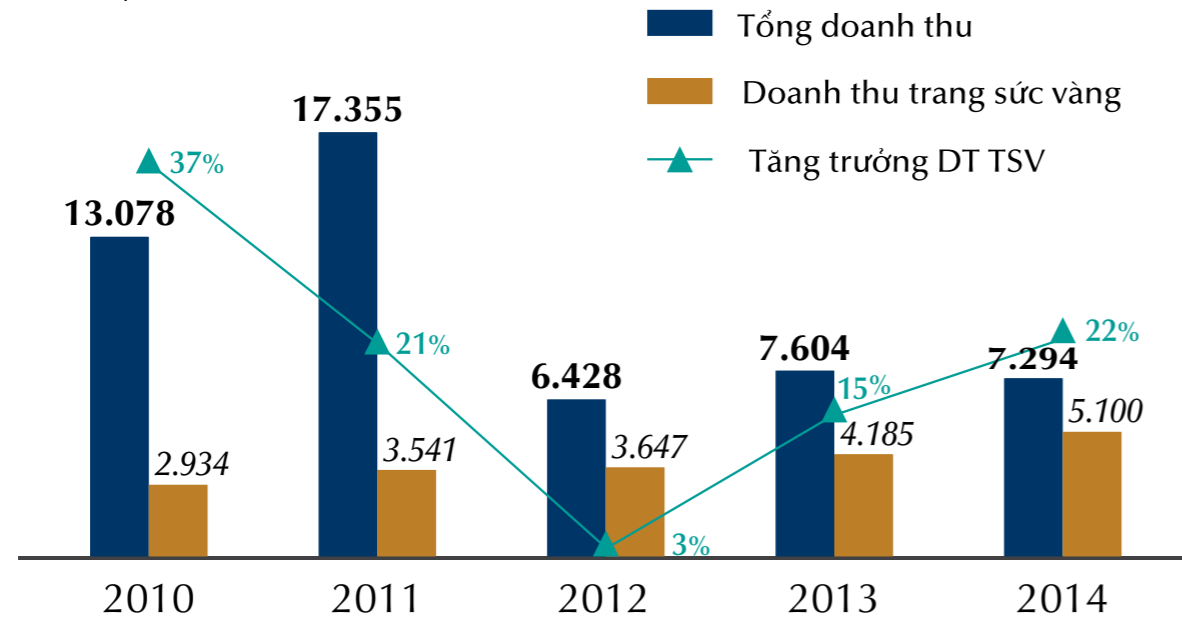
Hoạt động kinh doanh lẻ giữ vai trò chủ lực quyết định tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận gộp của toàn công ty, và đây cũng chính là hoạt động được chú trọng đầu tư mạnh mẽ trong những năm qua, đặc biệt trong giai đoạn thực thi chiến lược 2012-2022.

70%
Tổng doanh thu

TỔNG DOANH THU VÀ DOANH THU TRANG SỨC VÀNG

Từ năm 2010 - 2014

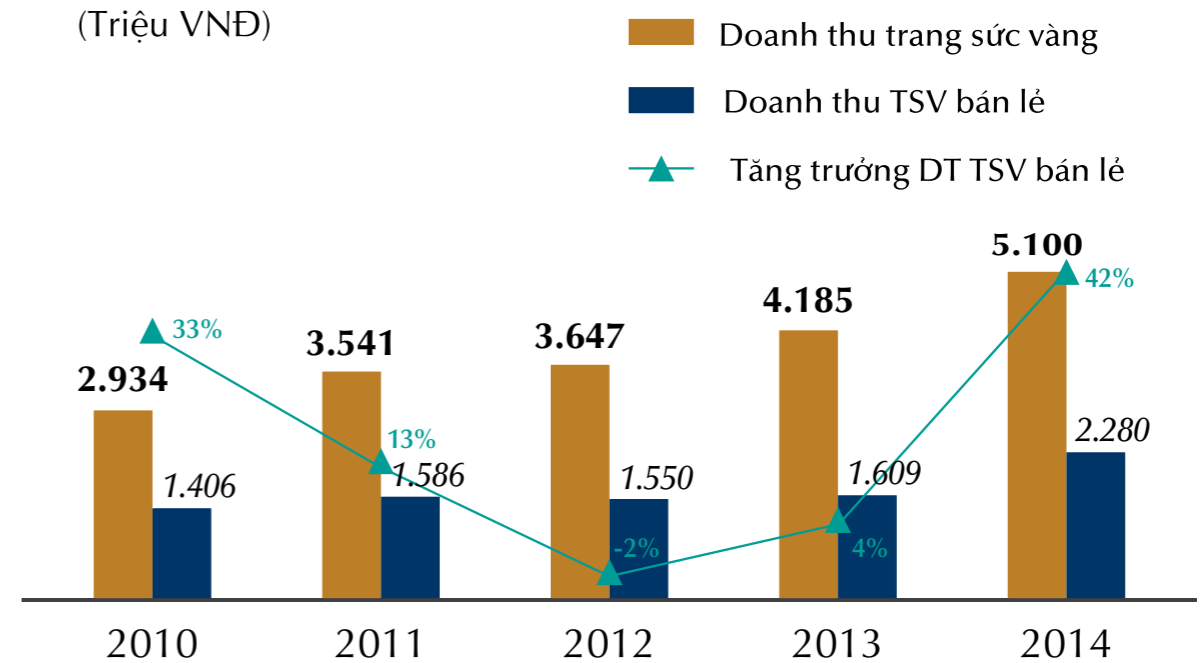
(Triệu VNĐ)



DOANH THU TSV BÁN LẺ TRÊN TỔNG DOANH THU TSV

Từ năm 2010 - 2014

(Triệu VNĐ)



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.1 Tăng trưởng mạnh ở mảng kinh doanh cốt lõi, trang sức vàng si và lẻ

2.1.1 Kinh doanh trang sức vàng bán lẻ (TSV Bán Lẻ)(tiếp theo):

Năm 2014 doanh thu bán lẻ trang sức vàng đạt 2,280 tỷ, tăng 42%, lợi nhuận gộp tăng 36% so với cùng kỳ, đóng góp lần lượt là 31% vào tổng doanh thu và 74% lợi nhuận gộp toàn công ty. So với mức tăng khiêm tốn 4% của năm 2013 thì đây là kết quả tăng trưởng ngoạn mục, là thành công bước đầu của quá trình cải tổ toàn diện hoạt động kinh doanh lẻ, đặc biệt khi tổng nhu cầu về trang sức của Việt Nam năm 2014 giảm đến 8% so với cùng kỳ. (Theo BC 2014 của Hội đồng Vàng Thế Giới – WGC)

Tốc độ tăng trưởng doanh thu của các cửa hàng mới mở đóng góp 10% vào tổng doanh thu bán lẻ tăng thêm.

Đạt được kết quả ấn tượng trong năm 2014 đó là nhờ những cải thiện đột phá trong quản lý và điều hành bán lẻ ở các yếu tố chủ lực: Nguồn Nhân Lực (People); Sản Phẩm và Dịch Vụ Khách Hàng (Product); Nhận Diện Thương Hiệu và Hoạt Động Marketing (Promotion) và Mở Rộng Mạng Lưới (Place).

Nguồn nhân lực (People):

Năm 2014 đánh dấu những chuyển biến rõ rệt trong công tác huấn luyện và đào tạo đội ngũ tư vấn viên nữ trang của PNJ nhằm nâng cao các kỹ năng bán hàng và tác phong phục vụ khách hàng tại cửa hàng. Có thể nói, đầu tư cho đội ngũ này là một trong các ưu tiên hàng đầu trong năm 2014 của PNJ. Chương trình kiểm tra và đánh giá cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nhanh chóng phát hiện những mắt xích yếu trong hệ thống cũng như tìm được nhân tố tích cực có năng lực để phát triển lên vị trí cao hơn. Vì thế khách hàng luôn cảm thấy hài lòng về dịch vụ khi đến bất kỳ cửa hàng nào thuộc hệ thống PNJ.

Bên cạnh đó, chế độ đãi ngộ đột phá, tương xứng xứng đáng cho thành tích công việc cũng góp phần không nhỏ động viên tinh thần đội ngũ này.

Năm 2014 cũng là năm hệ thống bán lẻ hoàn tất việc thay đổi cơ cấu quản lý theo chuẩn

thực hành tốt của các công ty bán lẻ nữ trang hàng đầu trên thế giới, tách bạch chức năng và nhiệm vụ một số bộ phận, từ đó tăng cường hiệu quả phối hợp và quản lý. Đồng thời bổ sung đội ngũ quản lý cao cấp nhằm gia tăng năng lực quản lý bán lẻ trên toàn hệ thống.

Mặc dù số lượng cửa hàng tăng trưởng nhanh chóng trên khắp cả nước trong năm 2014, kéo theo sự gia tăng của đội ngũ nhân sự tại cửa hàng địa phương, PNJ đã xuất sắc trong công tác huấn luyện và quá trình hội nhập văn hóa, đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng nhất xuyên suốt quá trình mở rộng.

Sản phẩm và Dịch vụ Khách hàng (Product):

Tiếp tục phát huy thế mạnh về độ tin cậy và tinh tế của sản phẩm, chiến lược dài hạn của công ty chính là tạo sự khác biệt về chất lượng sản phẩm vốn là yếu tố quyết định đẳng cấp thương hiệu, tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Để làm được điều này, PNJ đã không ngừng đầu tư vào công nghệ sản xuất, nghiên cứu các phương pháp chế tác mới trên thế giới. Có sự đầu tư đúng hướng, đến nay PNJ đã sản xuất thành công sản phẩm như trang sức theo công nghệ Ý, trang sức kim cương... Các sản phẩm này rất được khách hàng ưa chuộng vì chất lượng không thua kém hàng nhập nhưng lại có giá thành rẻ hơn. Mục tiêu hướng đến trong vòng hai năm tới có thể thay thế hoàn toàn các dòng sản phẩm nhập khẩu. Đầu tư về công nghệ cũng như nguồn nhân lực cho đội ngũ thiết kế để đưa ra thị trường những mẫu thiết kế độc đáo, dẫn đầu xu hướng thời trang, tạo dấu ấn riêng cho PNJ. Trong năm PNJ đã tung ra hàng loạt bộ sưu tập lớn và hàng trăm mẫu trang sức cho thấy khả năng sáng tạo không ngừng nghỉ của đội ngũ thiết kế, đem lại nhiều sự lựa chọn hơn cho khách hàng, đóng vai trò là người kiến tạo xu hướng tại thị trường trang sức Việt Nam. Bên cạnh những thay đổi mang tính chủ quan, không thể không kể đến tác động từ các yếu tố khách quan như tình hình kinh tế vĩ mô, xu hướng tiêu dùng... cũng là một trong những nguyên nhân giúp thúc đẩy doanh số. Khách

2.1.1 Kinh doanh trang sức vàng bán lẻ (TSV Bán Lẻ)(tiếp theo):

hàng ngày càng ưa chuộng các sản phẩm trang sức cao cấp như kim cương, đá màu, trang sức có độ tinh xảo cao...vốn là sản phẩm thế mạnh của PNJ. Những dịch chuyển này là bước đầu của một xu hướng tất yếu khi thị trường ngày càng phát triển, nhu cầu khách hàng ngày càng cao. Và với những gì đang xây dựng, PNJ đã có một nền tảng vững chắc để sẵn sàng cho một giai đoạn phát triển bứt phá về mọi mặt, theo đúng mục tiêu đã đề ra là: “doanh nghiệp trang sức hàng đầu Việt Nam trong phân khúc trung và cao cấp”.

Tận dụng thế mạnh của cơ sở dữ liệu trên nền tảng ERP tiên tiến để điều phối hàng hóa và tối ưu hóa danh mục sản phẩm tại cửa hàng, giúp tăng mức độ hàng hóa đúng nhu cầu và thị hiếu của khách hàng.

Định hướng đội ngũ tư vấn viên tại cửa hàng tập trung vào tư vấn giải pháp tốt phù hợp nhất với nhu cầu của khách hàng đã góp phần đáng kể vào sự hài lòng của khách hàng. Theo nghiên cứu mới nhất của bộ phận nghiên cứu thị trường, chính việc nâng cao chất lượng dịch vụ đã giúp tăng mức độ thỏa mãn của khách hàng và tần suất giao dịch thành công lên đáng kể so với cùng kỳ.

Hoạt động Marketing (Promotion):

Chủ trương chuẩn hóa hình ảnh nhận diện tại cửa hàng sau khi đã hoàn thành mô hình cửa hàng chuẩn đã tạo hiệu ứng đồng bộ và tích cực trong toàn hệ thống.

Hoạt động quảng bá với mục tiêu tăng lưu lượng khách đến cửa hàng đã thành công bước đầu và sẽ tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

Hoạt động quảng bá cho các chương trình điểm trong năm bao gồm Mùa Cưới, 8 tháng 3, 20 tháng 10, Lễ Tình Nhân... đều được lên kế hoạch và thực hiện chuẩn xác góp phần đẩy mạnh doanh số và tạo tiếng vang cho thương hiệu PNJ trên thị trường.

Mở rộng mạng lưới (Place):

Trong năm 2014, PNJ hoàn thành vượt mức kế hoạch mở rộng mạng lưới, tăng thêm 18 cửa hàng trên cả nước, tập trung tại các thành phố cấp 1 và cấp 2. Hầu hết các cửa hàng mới mở là các cửa hàng có quy mô lớn, ở những vị trí đắc địa và nhanh chóng tạo tiếng vang, giúp PNJ chiếm lĩnh thị trường.

Các cửa hàng mới mở trong năm nhanh chóng đạt được doanh thu và lợi nhuận kỳ vọng, đóng góp 10% vào tổng doanh thu bán lẻ tăng thêm năm 2014.

Tính đến cuối 2014, toàn hệ thống có 169 cửa hàng bao gồm 78 cửa hàng vàng (cửa hàng vàng độc lập và cửa hàng chung), 83 cửa hàng bạc độc lập và 8 cửa hàng Cao Fine Jewellery.

Với nền tảng kinh nghiệm và quy trình mở rộng mạng lưới đã được chuẩn hóa, hoạt động này được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh trong các năm tiếp theo nhằm gia cố vị thế dẫn đầu và thống lĩnh của PNJ trên bản đồ trang sức Việt Nam.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.1 Tăng trưởng mạnh ở mảng kinh doanh cốt lõi, trang sức vàng si và lẻ

2.1.2 Kinh doanh si:

Nhắm tới đối tượng là khách hàng doanh nghiệp trên khắp cả nước, năm 2014 công ty khai trương chi nhánh Buôn Ma Thuật nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên. Với việc khai trương chi nhánh này, hiện nay PNJ đã có năm trung tâm si tại các khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên, TPHCM và Miền Tây Nam Bộ, nhanh chóng mở rộng thị phần ở hầu hết các khu vực trọng yếu trên khắp cả nước.

Trong năm 2014, tổng sản lượng bán ra tăng 17%, doanh thu công tăng 36% so với cùng kỳ. Không chỉ sản xuất các sản phẩm nữ trang thông thường, PNJ còn hướng tới các sản phẩm quà tặng được khách hàng doanh nghiệp đặt riêng với yêu cầu cao về trình độ chế tác, mẫu mã độc đáo. Hiện nay PNJ được xem là địa chỉ tin cậy hàng đầu cho các doanh nghiệp lớn khi có nhu cầu về quà tặng trang sức cao cấp, kỷ niệm chương, logo...

2.2 Xuất khẩu

PNJ tự hào là doanh nghiệp nữ trang có khả năng đáp ứng được các tiêu chí khắt khe của doanh nghiệp nước ngoài, nhờ đó trở thành doanh nghiệp Việt Nam duy nhất tham gia xuất khẩu trang sức. Thông qua kênh xuất khẩu, PNJ không chỉ giới thiệu thương hiệu trang sức “made in Vietnam” cho bạn bè quốc tế mà còn tạo dựng được mối quan hệ lâu bền với đối tác trong và ngoài ngành, giúp công ty dễ dàng tiếp cận với công nghệ sản xuất mới, xu hướng thời trang hiện hành, phương pháp quản lý tiên tiến, từ đó áp dụng nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh trong nước.

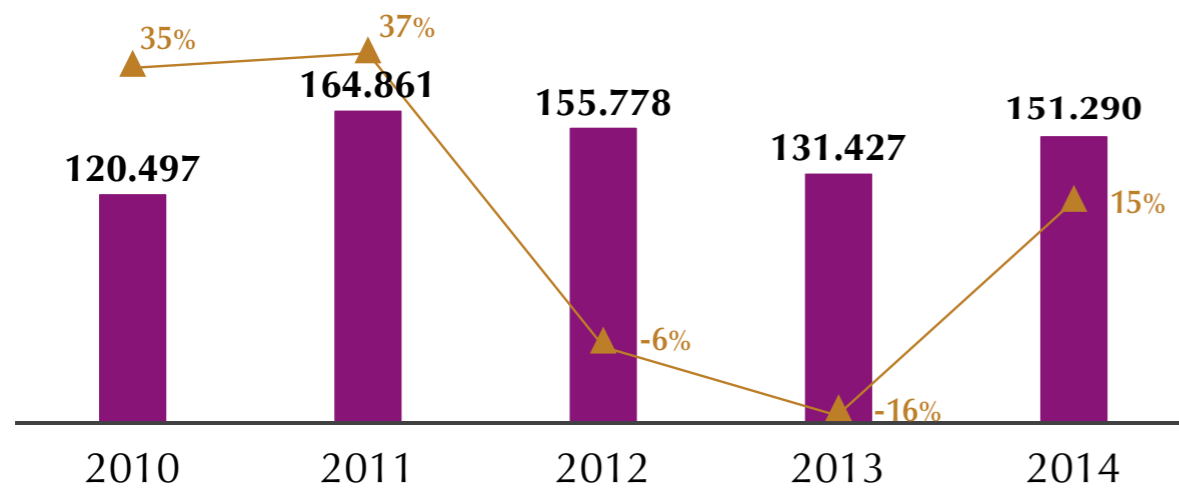
Năm 2014, doanh thu xuất khẩu vàng đạt 76 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ chủ yếu do giá vàng giảm, riêng doanh thu công vẫn tăng 20% so với cùng kỳ. Doanh thu xuất khẩu bạc năm nay tăng 5% so với cùng kỳ. Mức tăng tuy còn khiêm tốn nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều bất ổn như năm qua, đặc biệt khi thị trường Mỹ – là thị trường xuất khẩu chính của PNJ – vẫn không có nhiều dấu hiệu tăng trưởng về sức mua. Đây là kết quả đáng khích lệ cho đội ngũ kinh doanh của PNJ.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2.3 Trang sức bạc

DOANH THU PNJSilver Từ năm 2010 - 2014 (Triệu VNĐ)



Sau khi tái tung nhãn PNJSilver với hình ảnh sang trọng hơn, đồng thời đưa ra nhiều chiến lược Marketing nhắm vào đối tượng khách hàng trên 20 tuổi, doanh thu nhãn Silver đã đạt mức tăng trưởng là 15%, một con số ấn tượng so với tỷ lệ tăng trưởng âm của hai năm trước đó.

Trong năm 2014 công ty không mở thêm cửa hàng bán bạc độc lập, thay vào đó là các điểm bán nằm chung trong các cửa hàng vàng lớn. Việc kết hợp này phần nào giúp PNJSilver tiếp cận nhiều hơn với đối tượng khách hàng có thu nhập cao, đồng thời cửa hàng PNJ sẽ được biết đến như điểm mua sắm tập trung về trang sức (one-stop jewelry shopping place).

2.4 Vàng miếng

Như đã nhấn mạnh trong các báo cáo chính thức cũng như thông điệp gửi đến nhà đầu tư trong các năm qua, vàng miếng không phải là mảng kinh doanh chủ lực của PNJ, thay vào đó đây là hoạt động kinh doanh truyền thống mang tính chiến lược về thương hiệu. PNJ hiện là một trong số ít doanh nghiệp được phép kinh doanh vàng miếng tại Việt Nam, điều này tạo sự tin tưởng cho khách hàng về một thương hiệu lớn và uy tín, là điểm đến đầu tiên khi khách hàng có nhu cầu về sản phẩm vàng. Vì vậy, mặc dù biên lợi nhuận chỉ xấp xỉ từ 0,5% đến 1% và đóng góp gần 2% tổng lợi nhuận gộp, nhưng đây vẫn sẽ là 1 trong những hoạt động kinh doanh của PNJ. Tuy nhiên, biến động của hoạt động kinh doanh này không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả chung của toàn công ty.

2.5 Khác (đồng hồ, dịch vụ)

Đạt 23.3 tỷ đồng doanh thu chiếm 0.3% tổng doanh thu toàn công ty. Trong đó mảng kinh doanh đồng hồ tăng đến 41%, tuy không đóng góp đáng kể vào doanh thu, đây vẫn là mảng kinh doanh đầy tiềm năng khi PNJ đang có sẵn hệ thống bán lẻ và doanh số đồng hồ của công ty vẫn tăng đều đặn với mức trên 40% mỗi năm.

Tăng
41%
Mỗi năm



BÁO CÁO **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2014 công ty đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình mới, bổ sung đủ nhân lực chủ chốt và kiện toàn hệ thống KPI đến cấp cá nhân.

Áp dụng chính sách lương thưởng cạnh tranh, tập trung vào khối sản xuất và bán hàng.

Đầu tư vào công tác đào tạo được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu vận hành và phát triển của công ty thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo kết hợp với các chuyên gia quốc tế.

2. Củng cố và phát triển hệ thống

Trong năm 2014, Công ty đã đầu tư quy hoạch lại mạng lưới cơ sở vật chất và bộ chuẩn hóa nhận diện cho khối cửa hàng, đem lại bộ mặt mới cho toàn hệ thống.

Hoàn thiện quy trình phân phối sản phẩm nhằm tối ưu hóa nguồn vốn, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, tối ưu hóa danh mục sản phẩm tại cửa hàng.

Xây dựng kế hoạch phát triển điểm bán và kênh bán hàng mới phù hợp với nhu cầu thị trường.

Hoàn thiện mô hình cửa hàng chuẩn nhằm tăng hiệu quả hoạt động.

Khai trương trung tâm si Tây Nguyên tăng tổng số trung tâm si lên năm trung tâm trong cả nước, cho phép phát triển thị trường đến hầu hết các tỉnh thành trên cả nước. Ngoài việc mở rộng thị trường, Công ty cũng chú trọng phát triển kênh si theo chiều sâu, khai thác triệt để những thị trường và khách hàng hiện hữu.

3. NÂNG CAO MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Trong năm 2014 công ty đã xây dựng được mô hình cửa hàng chuẩn, thống nhất từ hình ảnh nhận diện đến tác phong phục vụ và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng thông qua việc đào tạo kỹ năng và phong cách phục vụ của nhân viên với khách hàng (bên trong lẫn bên ngoài).

Nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ. Xây dựng trung tâm dịch vụ kỹ thuật chuyên trách (bảo hành, sản xuất theo yêu cầu đặc biệt...).

Xây dựng chính sách kinh doanh, chính sách khách hàng, đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho khách hàng, khiến khách hàng tăng tính trung thành với thương hiệu.

4. TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Để tối ưu hóa doanh thu trên một cửa hàng và trên mỗi khách hàng, trong năm công ty đã thực hiện đồng loạt triển khai các dự án nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ, đảm bảo hàng hóa đúng nhu cầu và đủ số lượng, trưng bày hàng hóa hợp lý, kết hợp với marketing để tăng lưu lượng khách đến cửa hàng, chính sách khen thưởng kịp thời và xứng đáng cho đội ngũ tư vấn viên tại cửa hàng.

Nhờ công tác nghiên cứu và chuẩn bị kỹ càng trước khi triển khai dự án phát triển mạng lưới, PNJ vượt kế hoạch mở rộng mạng lưới và tất cả các cửa hàng mới đều nhanh chóng đạt mức doanh thu kỳ vọng, giúp tăng 10% doanh thu bán lẻ so với cùng kỳ.

Tăng hàm lượng công nghiệp trong sản xuất, góp phần làm giảm hao hụt và nâng cao năng suất lao động. Tỷ lệ hao hụt hiện nay của PNJ là <1%, khá thấp so với mức trung bình của các doanh nghiệp sản xuất nữ trang trên thế giới, góp phần tăng tỷ suất lợi nhuận của nữ trang PNJ



BỘ TRANG SỨC KIM CƯƠNG do PNJ chế tác & sản xuất

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong bối cảnh môi trường hoạt động kinh doanh luôn có nhiều biến động như Việt Nam, quản trị rủi ro hiệu quả là một thách thức lớn cho không riêng doanh nghiệp nào. Biết nắm bắt cơ hội sẽ giúp doanh nghiệp phát triển vượt bậc, nhưng chỉ những doanh nghiệp có hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả mới biến cơ hội ấy thành sự phát triển bền vững, và đây chính là đích đến của PNJ.

1. QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Sau nhiều năm xây dựng và phát triển, PNJ tự hào là doanh nghiệp nữ trang hàng đầu Việt Nam, không chỉ đem lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng mà còn trở thành đại diện xuất sắc của Việt Nam trên đấu trường quốc tế. Điều gì đã tạo ra sự khác biệt giữa PNJ và các doanh nghiệp nữ trang khác? Đó chính là chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường, là yếu tố quyết định, đưa thương hiệu PNJ tiến từng bước vững chắc và ghi dấu ấn sâu sắc trong lòng người tiêu dùng.

Chiến lược phát triển được xây dựng dựa trên cơ sở những nghiên cứu toàn diện về tình hình vĩ mô, lợi thế cạnh tranh của PNJ so với các đối thủ trong ngành, từ đó xác định được tầm nhìn dài hạn và mục tiêu phát triển cho từng giai đoạn.

Để thực hiện được những mục tiêu đã đề ra đó, Ban lãnh đạo đã tích cực đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ, giúp toàn thể cán bộ CNV hiểu rõ và thực hiện theo đúng định hướng chiến lược, cùng nhau lèo lái con tàu PNJ đi đến đích.

2. QUẢN LÝ RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Rủi ro về chính sách: Mặc dù xác định Việt Nam là thị trường cực kỳ tiềm năng đối với ngành trang sức, nhưng cũng như các thị trường mới nổi khác, nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều bất ổn và rủi ro. Đặc biệt đối với thị trường nhạy cảm như thị trường vàng, việc thay đổi chính sách là điều tất yếu trước khi đi đến một thể chế thống nhất. Chính vì vậy, để giảm thiểu rủi ro, công ty luôn chú trọng việc theo dõi sát các chính sách, định hướng lớn của Chính phủ, qua đó có những điều chỉnh về chiến lược phù hợp hơn. Đồng thời, Công ty cũng chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất cho các cơ quan hữu quan các giải pháp xây dựng và phát triển ngành trang sức Việt Nam, từng bước ghi tên mình trên bản đồ các quốc gia sản xuất và xuất khẩu trang sức lớn trên thế giới.

Rủi ro về sức mua giảm do ảnh hưởng bởi chu kỳ kinh tế: đây là rủi ro chung mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng gặp phải, nhưng với chiến lược xây dựng thương hiệu nhắm vào nhiều phân khúc khách hàng với các dòng sản phẩm đa dạng như hiện nay, PNJ đã phần nào hạn chế được rủi ro này.

Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào: được kiểm soát tương đối tốt thông qua công tác phân tích, dự báo và quản lý giá của công ty.

Cùng với sự hỗ trợ của phần mềm ERP, việc kiểm soát giá thành và hàng tồn kho được thực hiện dễ dàng và hiệu quả hơn.

Không chỉ áp dụng các biện pháp quản trị, chính định hướng chiến lược về sản phẩm cũng là một trong những yếu tố nền tảng giúp hạn chế rủi ro về giá. Trong tương lai khi thương hiệu là yếu tố quyết định giá thành thì rủi ro này sẽ càng được giảm thiểu.

3. QUẢN LÝ RỦI RO VỀ NHÂN SỰ

Trong năm 2014 công ty đã rà soát và xây dựng lại chính sách về chế độ đãi ngộ đảm bảo thu nhập, quyền lợi có tính cạnh tranh toàn diện hơn so với mặt bằng chung của thị trường nhân lực.

Ngoài việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo nhằm hoàn thiện, nâng cao năng lực chuyên môn và đưa ra lộ trình thăng tiến rõ ràng đến từng nhân viên để đảm bảo sự gắn bó lâu dài. Ngoài ra, không thể không kể đến chất keo gắn kết giữa những con người PNJ được hình thành bởi văn hóa doanh nghiệp, nơi mọi người gắn bó và cống hiến vì lợi ích của gia đình chung.

Năm 2014, PNJ lọt vào Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Nielsen khảo sát, và đứng vị trí thứ 2 của Doanh nghiệp Bán lẻ Việt Nam.

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro về hàng tồn kho: việc quản lý hàng tồn là yếu tố vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp bán lẻ nói chung và PNJ nói riêng, góp phần quyết định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Ý thức được vấn đề này, công tác quản lý hàng tồn được thực hiện chặt chẽ ngay từ khâu nhập hàng, trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường đến khâu phân phối và theo dõi thường xuyên nhằm có biện pháp thúc đẩy bán hàng kịp thời đối với hàng chậm luân chuyển. Trong năm 2014, vòng quay hàng tồn kho của hầu hết các nhóm đều tăng, tăng hiệu quả hoạt động và tiết kiệm được nguồn vốn cho công ty.

Rủi ro về vốn: bộ phận tài chính chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, hoạch định ngân sách và kiểm soát hoạt động theo ngân sách, nhờ đó công ty có thể chủ động trong việc phân bổ nguồn lực một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

V. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Đơn vị	2014	2013
Các chỉ số về thanh khoản			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.29x	1.21x
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4	5
Số ngày tồn kho	Ngày	81	76
Các chỉ số hiệu quả hoạt động			
LN gộp/ doanh thu thuần (GPM)	%	10.9%	7.9%
Lợi nhuận ròng / Doanh thu (ROS)	%	4%	2%
Lợi nhuận ròng / Tổng tài sản (ROA)	%	9%	7%
Lợi nhuận ròng / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	20%	14%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán không thay đổi đáng kể so với cùng kỳ do vốn lưu động chủ yếu vẫn là vốn vay. Khác với các doanh nghiệp khác, tồn kho của công ty là vàng và đá quý vốn có tính thanh khoản cao do đó làm giảm đáng kể rủi ro về vấn đề thanh khoản.

Số ngày tồn kho tăng so với cùng kỳ phản ánh rõ nét tình hình kinh doanh năm 2014 khi nhóm hàng trang sức dẫn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thay vì vàng miếng. Mặc dù có số ngày tồn kho ngắn, vàng miếng không đóng góp đáng kể vào lợi nhuận. Vì vậy, việc tăng số ngày tồn kho tuy có đem lại áp lực về vốn nhưng nhìn chung là xu hướng tích cực khi nhóm trang sức là nhóm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn rất nhiều so với vàng miếng.

Xét riêng về từng nhóm hàng, số ngày tồn kho của cả trang sức vàng và bạc đều giảm lần lượt là 4% và 12% so với cùng kỳ.

Tất cả các chỉ tiêu về lợi nhuận đều tăng cao hơn cùng kỳ, phản ánh 1 năm làm việc hiệu quả của toàn công ty.

VI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON:

Sau khi thoái vốn khỏi SFC, Công ty chỉ còn hai công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO (Cao Fine Jewellery) và Công ty TNHH Một thành viên Giám Định PNJL.

1. CAO Fine Jewellery

Vốn điều lệ 10 tỷ đồng, doanh thu cả năm đạt 40.8 tỷ đồng, giảm 5.3% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 1.2 tỷ đồng. Như đã biết, mặc dù có nhiều tín hiệu lạc quan từ nền kinh tế, đây vẫn chưa phải là thời điểm khách hàng sẵn sàng chi trả cho các sản phẩm cực kỳ cao cấp, do đó với năm 2014 vẫn là một năm khó khăn của CAO. Tuy vậy, Ban Tổng Giám đốc đã xác định CAO là thương hiệu chiến lược và cần có thời gian đầu tư dài để đón đầu xu thế và chắc chắn sẽ mang lại kết quả ấn tượng khi thời cơ đến. Trong thời điểm hiện tại, CAO đã được khách hàng đánh giá là thương hiệu trang sức cao cấp, sánh ngang các thương hiệu quốc tế, đây chính là thành công quan trọng nhất của CAO.

2. PNJL

Chuyên cung cấp các dịch vụ kiểm định kim cương và đá quý.

Tổng doanh thu năm 2014 đạt 11.8 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận gộp đạt 8.4 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế đạt 6.1 tỷ đồng, tăng 21%.

Cùng với xu hướng tiêu dùng đá quý ngày càng cao của người tiêu dùng, doanh thu của PNJL cũng liên tục tăng. Thương hiệu PNJL được khách hàng đánh giá là thương hiệu uy tín nhất trên thị trường kiểm định chất lượng kim cương đá quý hiện nay.



BÁO CÁO **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

VII. KẾT LUẬN

Kết thúc năm 2014 với nhiều con số ấn tượng, không chỉ giúp toàn thể CB-NV PNJ tin tưởng vào chiến lược đã đề ra mà các nhà đầu tư cũng qua đó có thể thấy được tính hiệu quả trong hoạt động quản lý của ban điều hành. Đây là những thành công bước đầu khi nền tảng về con người, hệ thống và chiến lược mới đã dần tạo thành một bộ máy hoàn chỉnh, vận hành thông suốt. Từ những gì đã đạt được, Ban Tổng Giám đốc tin rằng năm 2015 và những năm tiếp theo sẽ là giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn nữa, giúp PNJ nhanh chóng đạt mục tiêu:

**“LÀ CÔNG TY CHẾ TÁC VÀ BÁN LẺ TRANG SỨC HANG ĐẦU TẠI CHÂU Á,
GIỮ VỊ TRÍ SỐ 1 TRONG CÁC PHÂN KHÚC THỊ TRƯỜNG TRUNG VÀ
CAO CẤP TẠI VIỆT NAM”**

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CAO THỊ NGỌC DUNG



BỘ TRANG SỨC RUBY do PNJ chế tác & sản xuất

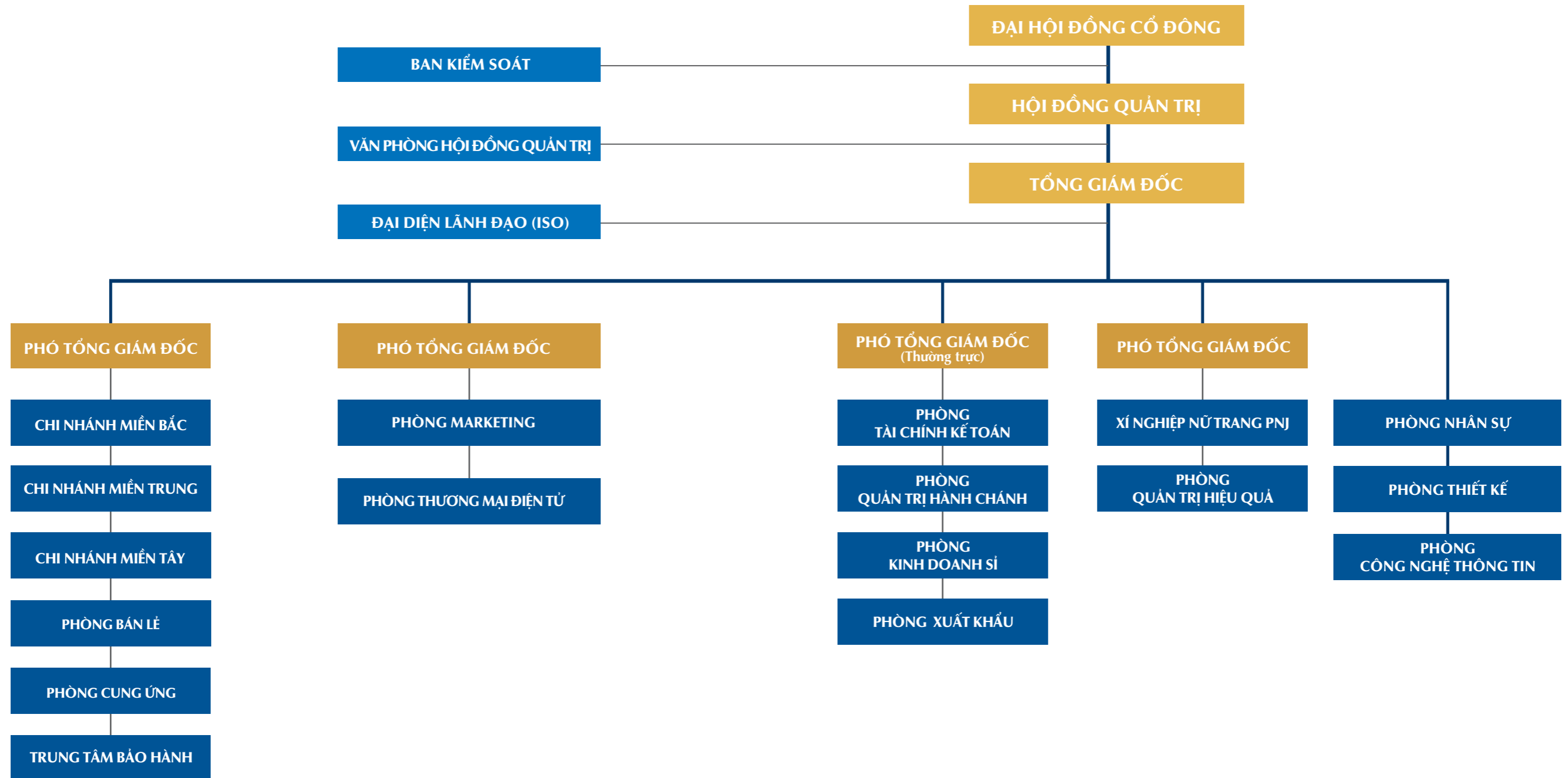


PNJ

CƠ CẤU TỔ CHỨC
NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





BỘ TRANG SỨC KIM CƯƠNG do PNJ chế tác & sản xuất

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1 Bà CAO THỊ NGỌC DUNG CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1957
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế thương nghiệp,
ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1984 - 1985: Phó phòng Kế hoạch Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Phú Nhuận
1985 - 1987: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Nông sản thực phẩm Quận Phú Nhuận
1988 - 2003: Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1990: Giám Đốc Trung tâm Tín dụng Phú Gia
1991 - 1992: Giám Đốc Công ty Thương mại Phú Nhuận
1992 - 1997: Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng TMCP Đông Á
2003 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Đông Á
2004 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2005 - 2011: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Năng lượng Đại Việt



2 Bà NGUYỄN THỊ CÚC ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1960
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Chuyên viên Phòng Thống kê - Kế hoạch Quận Phú Nhuận
1988 - 1995: Kế toán trưởng Công ty vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1996 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Đông Á
2004 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc thường trực Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận



3 Ông NGUYỄN VŨ PHAN PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1956
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,
ĐH Bách khoa TP.Hồ Chí Minh
- Kỹ sư rèn dập - chế tạo máy,
ĐH Bách khoa HN

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1978 - 1985: Trưởng Ban Công nghệ Xí nghiệp Caric
1985 - 1987: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Thiết bị toàn bộ (Sở Công nghiệp TP. HCM)
1987 - 1996: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Công nghệ mới (COTEC), Phân viện KHVN tại TP.Hồ Chí Minh
1996 - 1999: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương
1999 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2004 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



4 Ông NGUYỄN TUẤN QUỲNH - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Tiến Sỹ Quản trị kinh doanh, Paramount University
 - Thạc Sỹ Quản trị kinh doanh, ĐH Mở bán công TP.Hồ Chí Minh
 - Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1994 - 2005: - Trợ lý TGD, Phó phòng Kinh doanh Gas Saigon Petro
 - Ủy viên Hội Quản Trị Công ty Cổ Phần Dầu Khí Saigon Phú Yên.
 - Ủy viên Hội Quản Trị Công ty Cổ Phần Dầu Khí Saigon Nghệ An.
2005 - 2007: Phó Tổng Giám đốc Saigon Gas
2007 - 2011: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Năng lượng Đại Việt
2007 - 2010: Chủ tịch HĐQT Công ty Bình Khí Đốt Hong Vina
2007 - 2012: Phó Tổng Giám đốc CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2007 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Đào tạo Doanh Chủ
2008 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn SFC
2013 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (SFC)

5 Ông ANDY HO - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Mỹ
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cao học MIT (Mỹ)
 Cử nhân Kế toán, ĐH Colorado (Mỹ)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2000 - 2004: Giám đốc Đầu tư Dell Computer Corp (Mỹ)
2004 - 2007: Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Prudential
2007 - nay: CIO VPĐD VinaCapital

6 Bà PHẠM VŨ THANH GIANG - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1983
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, University of Applied Sciences Northwestern Switzerland
 - Cử nhân Tài chính Ngân hàng, ĐH Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2005 - 2006: Nhân viên Aon Việt Nam
2007 - nay: Trưởng phòng Mekong Capital

7 Bà NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ - ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Vanderbilt University USA
 - Chứng chỉ Kinh tế học ứng dụng vào phân tích chính sách, Chương trình Fulbright VN
 - Cử nhân Kinh tế ngoại thương, ĐH Kinh tế TP.HCM

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1992 - 1993: Nhân viên phòng Kinh doanh Chi nhánh TP.HCM Công ty XNK Phú Yên
1994 - 1999: Trưởng phòng Kinh doanh Chi nhánh TP.HCM Công ty XNK Phú Yên
2000 - 2001: Phó Giám Đốc công ty CP SÀI GÒN SỐ 1
2001 - 2005: Giám Đốc nghiên cứu phát triển Ngân hàng TMCP Đông Á
2006 - 2008: Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
2006 - 2009: Cố vấn, thành viên HĐQT của Doanh nghiệp Phát triển Cộng Đồng Bình Minh
2010 - 2012: Cố vấn cao cấp của Trường Đào tạo Quản lý doanh nghiệp CBAM
2013 - nay: Phó Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Và Tư Vấn Về Giá Trị Sống

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1



2



3



4



5

1 Bà CAO THỊ NGỌC DUNG - TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1957
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân Kinh tế thương nghiệp,
 ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1984 - 1985: Phó phòng Kế hoạch Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Phú Nhuận
1985 - 1987: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Nông sản thực phẩm Quận Phú Nhuận
1988 - 2003: Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1990: Giám Đốc Trung tâm Tín dụng Phú Gia
1991 - 1992: Giám Đốc Công ty Thương mại Phú Nhuận
1992 - 1997: Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng TMCP Đông Á
2003 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Đông Á
2004 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2005 - 2011: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Năng lượng Đại Việt

2 Bà NGUYỄN THỊ CÚC - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1960
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
 ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Chuyên viên Phòng Thống kê - Kế hoạch Quận Phú Nhuận
1988 - 1995: Kế toán trưởng Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1996 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Đông Á
2004 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

3 Ông NGUYỄN VŨ PHAN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1956
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,
 ĐH Bách khoa TP.Hồ Chí Minh
 - Kỹ sư rèn dập - chế tạo máy,
 ĐH Bách khoa HN

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1978 - 1985: Trưởng Ban Công nghệ Xí nghiệp Caric
1985 - 1987: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Thiết bị toàn bộ (Số Công nghiệp TP. HCM)
1987 - 1996: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Công nghệ mới (COTEC), Phân viện KHVN tại TP.Hồ Chí Minh
1996 - 1999: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương
1999 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2004 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

4 Ông LÊ HỮU HẠNH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1963
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân ngành Hoá học,
 Đại học Bách Khoa TP.Hồ Chí Minh
 - Chuyên gia kiểm định Kim cương, Đá quý

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Nhân viên kỹ thuật Công ty in số 4
1988-1992: Nhân viên kinh doanh Công ty Dịch vụ Tổng hợp Quận Gò Vấp
1992 - 2003: - Nhân viên kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh PNJ Hà Nội, Phó Phòng Kinh doanh, - Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2004 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

5 Bà PHẠM THỊ MỸ HẠNH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn:
 -Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Đại học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội , Washington State University
 - Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
 Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh
 - Cử nhân Ngoại Ngữ
 Đại Học KHXH & Nhân Văn TP. Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1993 - 1994: Nhân viên Phòng Kinh Doanh Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1994 -1995: Thư ký - Công ty TOBA Investment
1995 - 2003: - Nhân viên kinh doanh
 - Thư ký Giám đốc,
 - Phó Phòng Nghiên cứu -Tiếp thị,
 - Trưởng Phòng Nghiên cứu - Tiếp thị PNJ.
2004 - 2009: - Giám đốc Phòng Nghiên cứu - Tiếp thị,
 - Giám đốc Phòng Quản lý hệ thống CAO
2009 - 2011: Giám đốc Công ty TNHH MTV Thời trang CAO
2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ.

BAN KIỂM SOÁT



1



2



3

1 Ông PHẠM VĂN TÂN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1960

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp, ĐH Kinh tế TP.HCM
- Cử nhân Kinh tế Chính trị, Học viện Báo chí Tuyên truyền - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1982 - 1989:** Trợ lý Giáo vụ và Giảng dạy Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- 1989 - 1992:** Phụ trách Kinh doanh, Hành chính Xí nghiệp Vàng bạc Đá quý SJC
- 1992 - 2010:** Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
- 2010 - 2012:** Cố vấn HĐQT Công ty CP Mạng truyền thông Quốc tế Toàn cầu (Công ty INCOMNET)
- 2012 - nay:** Cố vấn Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thiết kế đồ họa What4web

2 Ông TRẦN VĂN DÂN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế toán, ĐH Thương mại
- Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kỹ thuật công nghệ TP.HCM
- Chứng chỉ kế toán trưởng, ĐH Quốc gia TP.HCM

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1997 - nay:** Đã trải qua các chức danh sau tại Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ:
- Từ 14/08/2012: Trưởng ban điều hành phân hệ sản xuất, Ban dự án ERP-Xman
- Từ 03/06/2013: Trưởng bộ phận chiến lược – Phòng Quản Trị Chiến Lược (Phụ trách Khối sản xuất và văn phòng)
- Từ 01/11/2013: Trưởng bộ phận Quản trị – Phòng Quản Trị Chiến Lược (Phụ trách Khối sản xuất và văn phòng)
- Từ 10/10/2014: Phó Giám Đốc – Phòng Quản Trị Hiệu Quả.
- Từ 15/01/2015: Trưởng phòng – Phòng Quản Trị Chất Lượng XNNT

3 Bà NGUYỄN NGỌC HUỆ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính thương nghiệp, ĐH Tài chính kế toán TP.HCM
- Giấy chứng nhận Kế toán - Tài vụ XNK, Trường Kinh tế Đối ngoại
- Giấy chứng nhận lớp Bồi dưỡng kế toán trưởng, Bộ Tài chính

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1988 - 1991:** Kế toán Tổng hợp Công ty CODIMEX TP. Vũng Tàu
- 1991 - 1994:** Kế toán trưởng Khách sạn CANADIAN TP. Vũng Tàu
- 1994 - 1997:** Kế toán trưởng Công ty Giao châu TP. Vũng Tàu
- 1997 - 1998:** Kế toán Tổng hợp Công ty DUHACO TP.HCM
- 1998 - 1999:** Kế toán trưởng Công ty COMPUNET TP.HCM
- 2000 - 2010:** Trưởng Bộ phận Kế toán Thanh toán Công ty PNJ
- 2011 - nay:** Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Giám định PNJ

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÔNG TIN

Tên công ty đại chúng : CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
 Địa chỉ trụ sở : 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM
 Điện thoại : (08) 3995 1703
 Fax : (08) 3995 1702
 Vốn điều lệ : 755.970.350.000 đồng
 Mã chứng khoán : PNJ

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ	Lý do không tham dự
1	Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch HĐQT	26	100%	
2	Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch HĐQT	26	100%	
3	Nguyễn Thị Cúc	UV HĐQT	26	100%	
4	Nguyễn Thị Bích Hà	UV HĐQT	24	92%	
5	Nguyễn Tuấn Quỳnh	UV HĐQT	26	100%	
6	Nguyễn Thị Hương Giang	UV HĐQT	02	100%	Thôi chức danh Ủy viên HĐQT từ ngày 03/03/2014
7	Andy Ho (Ho An T)	UV HĐQT	25	100%	Bắt đầu chức danh Ủy viên HĐQT từ 03/03/2014
8	Phạm Vũ Thanh Giang	UV HĐQT	26	100%	

2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC:

Một số thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc định kỳ tuần, tháng, quý. Việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động hàng tháng.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban.

II. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung
1	79/2014/NQ-HĐQT-CTY	17/01//2014	Thông qua thời gian, địa điểm, nội dung một số tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2014; Ký kết các hợp đồng thương mại với người có liên quan
2	215/2014/BB-HĐQT-CTY	03/03/2014	Bổ sung vốn lưu động
3	219/2014/NQ-HĐQT-CTY	03/03/2014	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị (Nguyễn Thị Hương Giang, Andy Ho)
4	227/2014/NQ-HĐQT-CTY	12/03/2014	Thông nhất nội dung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
5	228/2014/BB-HĐQT-CTY	12/03/2014	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vàng bạc đá quý
6	229/2014/BB-HĐQT-CTY	12/03/2014	Thông nhất kế hoạch vay vốn ngân hàng
7	268/2014/NQ-HĐQT-CTY	24/03/2014	Chấp thuận vay vốn ngân hàng
8	289/2014/BB-HĐQT-CTY	31/03/2014	Thông nhất hạn mức vay vốn ngân hàng
9	287/2014/NQ-ĐHĐCĐ-CTY	29/03/2014	ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
10	288/2014/QĐ-ĐHĐCĐ-CTY	29/03/2014	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận
11	291/2014/NQ-HĐQT-CTY	31/03/2014	Thông nhất ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt
12	294/2014/NQ-HĐQT-CTY	31/03/2014	Thành lập Chi nhánh PNJ Quảng Ninh (đơn vị trực thuộc Công ty)
13	431/2014/NQ-HĐQT-CTY	14/05/2014	Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh 4 tháng đầu năm 2014; Chương trình hành động
14	432/2014/BB-HĐQT-CTY	14/05/2014	Thông nhất hạn mức tín dụng vay vốn ngân hàng
15	517/2014/BB-HĐQT-CTY	11/06/2014	Thông nhất kế hoạch vay vốn bổ sung vốn lưu động kinh doanh vàng bạc đá quý, chi phí hoạt động
16	619/2014/NQ-HĐQT-CTY	09/07/2014	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2014
17	646/2014/BB-HĐQT-CTY	15/07/2014	Gia hạn thời hạn rút vốn của Hợp đồng số 130-000-164623 ngày 16/07/2013 tại Chi nhánh Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Sở Giao dịch
18	686/2014/NQ-HĐQT-CTY	28/07/2014	Thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận – Chi nhánh PNJ Quảng Nam
19	688/2014/NQ-HĐQT-CTY	29/07/2014	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất – kinh doanh sáu tháng đầu năm 2014, Định hướng hoạt động sáu tháng cuối năm 2014
20	771/2014/NQ-HĐQT-CTY	15/08/2014	Thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận – Chi nhánh PNJ Đồng Tháp
21	814/2014/NQ-HĐQT-CTY	26/08/2014	Chấp thuận chuyển nhượng một phần cổ phần Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn do Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận – PNJ sở hữu
22	857/2014/BB-HĐQT-CTY	08/09/2014	Bổ sung vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – SeAbank Cộng Hòa

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung
23	899/2014/NQ-HĐQT-CTY	22/09/2014	Chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn do Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận – PNJ sở hữu
24	969/2014/NQ-HĐQT-CTY	03/10/2014	Thông qua Báo cáo hoạt động chín tháng đầu năm 2014, Báo cáo mục tiêu chín tháng đầu năm 2014, Mục tiêu trọng yếu năm 2015
25	971/2014/NQ-HĐQT-CTY	03/10/2014	Thông nhất ngày dự kiến đăng ký cuối cùng để thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2014; Thay đổi và bổ nhiệm Chủ tịch Công ty của Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO; Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO; Sửa đổi Điều 6 của Điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO
26	972/2014/QĐ-HĐQT-CTY	03/10/2014	Quyết định về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO
27	1024/2014/BB-HĐQT-CTY	15/10/2014	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn
28	1114/2014/NQ-HĐQT-CTY	04/11/2014	Chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần của PNJ tại CTCP Quê Hương Libery

III. THAY ĐỔI DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 34, ĐIỀU 6 LUẬT CHỨNG KHOÁN

Ngày 03/03/2014, bà Nguyễn Thị Hương Giang đã gửi đơn xin thôi chức danh thành viên Hội đồng quản trị theo nguyện vọng cá nhân và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 phê chuẩn, thông qua.

Ngày 29/03/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã chấp thuận bầu bổ sung ông Andy Ho làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 3 (2012-2017) và chấp thuận thời gian bắt đầu hiệu lực là từ ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm – ngày 03/03/2014.

IV. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

1. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Xem file đính kèm.

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỉ lệ	Số cổ phiếu	Tỉ lệ	
1	Quỹ đầu tư Dragon Capital	Nhóm cổ đông lớn	6.843.530	9,05%	7.441.180	9,84%	Mua
2	Tô Thị Thảo	Người có liên quan	89.388	0,12%	0		Bán
3	Phạm Thị Mỹ Hạnh	PTGD	326.990	0,43%	416.378	0,55%	Mua
4	Cao Ngọc Vũ	Người có liên quan	47.998	0,06%	0		Bán

3. CÁC GIAO DỊCH KHÁC:

(các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với công ty	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng xây dựng, cải tạo, sửa chữa, trang trí nội thất văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, hệ thống kinh doanh – thương mại
2	Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý dự án Tiêu chuẩn vàng	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng tư vấn và quản lý giám sát công trình
2	Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Không gian vàng	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng trang trí nội thất – đồ gỗ (cung cấp, lắp đặt, bảo hành, sửa chữa quây, tủ) cho văn phòng, hệ thống sản xuất – kinh doanh

IV. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

Ngày 29/03/2014, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ





NHÃN HIỆU TRANG SỨC VÀNG PNJ

Chính thức có mặt tại thị trường Việt Nam từ năm 1989, nhãn hàng trang sức vàng PNJ đã khẳng định vị thế hàng đầu khi là thương hiệu tiên phong khai hóa cuộc cách mạng thời trang về lĩnh vực trang sức tại thị trường Việt Nam bằng những sản phẩm trang sức tinh xảo, kiểu dáng đa dạng và chất lượng vượt trội.

Hơn 26 năm hình thành và phát triển, nhãn hàng trang sức vàng PNJ luôn không ngừng sáng tạo để liên tục cho ra đời hàng trăm bộ sưu tập đa dạng về chất liệu vàng, phong phú về chủng loại đá quý với những thiết kế đột phá mang tính tiên phong, góp phần tôn vinh vẻ đẹp, sự sang trọng và đẳng cấp của người tiêu dùng Việt. Đặc biệt, với thông điệp **"Tôn vinh giá trị đích thực"**, PNJ nâng tầm giá trị trong mỗi sản phẩm trang sức, để không chỉ tô điểm cho vẻ đẹp bên ngoài mà còn tôn vinh giá trị tâm hồn, phẩm chất của mỗi phụ nữ. Bên cạnh đó, những bộ sưu tập như Trang sức cưới Hạnh Phúc Vàng, Trang sức ECZ, Trang sức Kim Cương... là minh chứng cho trình độ chế tác đỉnh cao, mang lại niềm tự hào và khẳng định sứ mệnh của nhãn hiệu trang sức vàng PNJ khi **"đem lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế với chất lượng vượt trội"**



TÔN VINH
GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC



Nhãn hiệu TRANG SỨC BẠC & PHỤ KIỆN THỜI TRANG

Xuất hiện trên thị trường trang sức Việt Nam vào năm 2001, sau 15 năm sáng tạo và phát triển, PNJSilver luôn khẳng định vị trí dẫn đầu trong thị trường trang sức bạc và phụ kiện thời trang. Nhắm vào khách hàng trẻ, nhãn hàng PNJSilver với sắc hồng tím thời trang và năng động đã được khách hàng dễ dàng nhận diện tại nhiều trung tâm mua sắm trên khắp các tỉnh thành Việt Nam.

Đón đầu xu hướng thời trang về trang sức bạc và phụ kiện, mỗi năm PNJSilver có nhiều bộ sưu tập mới phù hợp với phong cách sống hiện đại cùng với câu chuyện truyền thông "Thế giới nàng tỏa sáng" thú vị, tràn đầy sắc màu cuộc sống. Với các dòng sản phẩm chính là Duyên dáng, Thanh lịch, Phong cách và dòng sản phẩm dành cho Baby được hệ thống phân phối trên 100 cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc, PNJSilver đã và đang tiếp tục nỗ lực, sáng tạo không ngừng để hướng đến mục tiêu trở thành một nhãn hiệu trang sức bạc, phụ kiện hàng đầu dành cho các bạn gái trẻ.





CAO FINE JEWELLERY



NHÃN HIỆU CAO FINE JEWELLERY

Ra đời từ năm 2005, CAO Fine Jewellery là thương hiệu trang sức đẳng cấp tại thị trường trong nước và quốc tế được giới sành điệu ưa chuộng bởi sự kết hợp giữa nét tinh tế của phương Tây và vẻ đẹp truyền thống Á Đông.

Tính độc đáo của các sản phẩm được thể hiện qua chính đôi tay tài hoa của đội ngũ chuyên gia thiết kế giàu kinh nghiệm và những nghệ nhân kim hoàn, những người luôn sẵn sàng biến các ý tưởng thành những tuyệt tác đích thực, làm thỏa mãn nhu cầu và sở thích riêng của từng chủ nhân. Sản phẩm của CAO Fine Jewellery được chế tác từ bằng vàng 18k cùng những viên kim cương trắng, kim cương màu, đá quý thiên nhiên, đá bán quý có màu sắc sống động - tất cả đều được đảm bảo độ chiếu sáng cùng giác cắt mài tinh tế từ những tên tuổi hàng đầu trong lĩnh vực cắt mài đá quý hay trong lĩnh vực kiểm định trên thế giới...

Với sự ra đời của boutique Thủ Khoa Huân trong năm 2013, một lần nữa CAO Fine Jewellery cho thấy những hướng đi vững chắc và con đường chinh phục những khách hàng khó tính của mình cũng như trong việc cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trang sức quốc tế đang hiện diện tại Việt Nam.

J E M M A

JEWELRY AND ACCESSORIES



NHÃN HIỆU TRANG SỨC JEMMA

Ra đời từ cuối năm 2009, với định hướng phát triển là một nhãn hàng trang sức phụ kiện thời trang cao cấp, hiện đại, JEMMA như một lựa chọn mới mẻ mang lại sự thanh lịch, quý phái cho phái đẹp. Tất cả sản phẩm JEMMA đều được thiết kế theo phong cách hiện đại dựa trên xu hướng thời trang mới nhất trên thế giới cùng các chất liệu đa dạng, độc đáo, không chỉ tạo ra những sản phẩm thời trang, phù hợp với xu hướng mà còn là một sản phẩm thể hiện cá tính và phong cách cho người sở hữu.





**VĂN HÓA
DOANH NGHIỆP**



MÁI NHÀ CHUNG BẢN SẮC VĂN HÓA PNJ



*“Tài sản lớn nhất của PNJ là gì?
Không phải là tiền. Đó là văn hóa
doanh nghiệp, là con người”*

Bà Cao Thị Ngọc Dung- TGD PNJ



Nếu ví PNJ như một ngôi nhà, thì con người, đội ngũ chính là phần móng của ngôi nhà đó. Có thể thấy rằng trong suốt chặng đường 26 năm hình thành và phát triển, PNJ đã xây dựng một phần móng kiên cố, vững vàng, để ngôi nhà PNJ được mọc lên chắc chắn, đẹp đẽ và phát triển bền vững qua tháng năm. Và cũng chính trên nền tảng ấy, văn hóa Mái Nhà Chung PNJ đã ra đời. Ở đó mỗi thành viên trong gia đình PNJ đều sống có tinh thần kỷ luật, trách nhiệm, có tác phong chuyên nghiệp, nề nếp nhưng đầy nghĩa tình, đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống, được trao đổi thông tin, được khuyến khích nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn. Sự nỗ lực của mỗi thành viên được tương thưởng xứng đáng bằng thù lao vật chất, bằng động viên tinh thần hay bằng việc bổ nhiệm vào những vị trí xứng đáng và trên hết là những tấm gương sáng cho cả một tập thể và những thế hệ theo sau.

Để làm nên văn hóa “Mái nhà chung PNJ” thì bản sắc đặc thù, thành tố then chốt và quan trọng chính là các giá trị cốt lõi đã được PNJ hun đúc trong hành trình 26 năm qua, đó là: Trách nhiệm, Trung thực, Chất lượng, Đổi mới và Sáng tạo. 5 giá trị này chính là nền tảng làm nên con người

PNJ, sức mạnh PNJ, tinh thần PNJ, trở thành la bàn định hướng trong mỗi quyết định cho sự phát triển của PNJ, trong từng chương trình hành động đồng thời giúp mỗi tập thể và cá nhân có cách ứng xử thống nhất, chuẩn mực trong công việc lẫn cuộc sống. Văn hóa PNJ và các giá trị cốt lõi luôn thấm nhuần trong văn hoá kinh doanh, với khách hàng, trong quan hệ nhà đầu tư, đối tác, với cộng đồng xã hội và rõ nét nhất trong các hoạt động nội bộ dành cho nhân viên của mình. Thông qua các tổ chức đoàn thể, nhiều hoạt động hướng đến người lao động được tổ chức đều đặn và thường xuyên, đáp ứng nhu cầu chăm lo sức khoẻ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động cũng như xây dựng niềm tự hào và gắn kết giữa các thành viên: các hội thảo xây dựng đội ngũ được tổ chức thường xuyên, các buổi sinh hoạt chuyên đề, diễn đàn thanh niên, hội diễn văn nghệ, các cuộc thi đấu thể thao, ngày hội gia đình PNJ, hình thành Câu lạc bộ chăm sóc sức khoẻ tại doanh nghiệp... Văn hóa PNJ luôn giáo dục cán bộ, nhân viên của mình sống có tinh thần trách nhiệm đối với chính mình, với xã hội và cộng đồng, là những công dân tôn trọng pháp luật, các giá trị Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín phải luôn được đề cao.



PNJ còn được ví như một trường học mà ở đó con người không chỉ được dài ngộ bằng vật chất, không chỉ bằng lợi ích trước mắt, mà bằng sự trân trọng và yêu thương. Chính văn hóa “Mái nhà chung PNJ” đã tạo nên một đội ngũ có quy củ, chuyên nghiệp, có nề nếp, tác phong, đội ngũ ấy sẵn sàng lăn xả và cống hiến hết mình vì doanh nghiệp. Văn hoá PNJ đã góp phần quan trọng tạo nên vị thế của doanh nghiệp, làm nên sức mạnh cạnh tranh, giúp đội ngũ phát triển mạnh hơn và thu hút người tài, gắn kết người lao động, làm nền tảng và niềm tin cho sự phát triển bền vững trường tồn của PNJ.

NĂM 2014

DẤU ẤN CỘNG ĐỒNG CỦA PNJ

Thành lập năm 2005, sau 10 năm hoạt động, Quỹ Từ thiện PNJ của công ty PNJ đã đóng góp cho xã hội hơn 25 tỷ đồng để chung sức cải thiện cuộc sống của những người dân nghèo, những bệnh nhân nghèo và vươn mầm phát triển tài năng. Vài tỷ đồng chia sẻ với cộng đồng trong mỗi năm dù chưa phải là quá nhiều nhưng nó thể hiện sự bền bỉ quyết tâm của ban lãnh đạo và quỹ từ thiện PNJ đối với hoạt động từ thiện.



SỬ DỤNG ĐỒNG TIỀN ĐÚNG NƠI ĐÚNG CHỖ VÀ GIÚP ĐƯỢC NHIỀU NHẤT CÓ THỂ:

Với nguồn kinh phí từ đóng góp của cán bộ công nhân viên, quỹ phúc lợi, ủng hộ của các đối tác... Quỹ Từ thiện PNJ có khả năng theo đuổi nhiều chương trình thiện nguyện giúp đỡ cộng đồng trong hành trình 10 năm qua.

Đều đặn hàng năm, PNJ đều dành khoảng vài trăm triệu đồng cho Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo; vài trăm triệu đồng để trao học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo... nhưng khoản đóng góp lớn nhất là dành cho người nghèo đang sinh sống ở vùng sâu vùng xa. Hầu hết các chương trình thiện nguyện đến thăm đồng bào nghèo ở những thôn xóm xa xôi miền trung, tây nguyên hoặc miền tây, PNJ đều chuẩn bị từng món quà phù hợp với cuộc sống người dân ở đó và đến tận nơi trao trực tiếp, cho dù đường đi có khó khăn cách trở. Chỉ trong năm 2014, tổng ngân sách dành cho hoạt động từ thiện của công ty PNJ là 4,5 tỷ đồng, riêng chương trình tặng quà Tết 2015 trị giá 2,5 tỷ đồng, bao gồm hơn 3.000 phần quà cho bà con nghèo quận Phú Nhuận, các xã huyện nghèo ở các tỉnh Đắk Lak, Gia Lai, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, An Giang và Kiên Giang...

Bên cạnh đó, Quỹ Từ thiện PNJ còn sẵn sàng chung tay với các cơ quan báo chí, đoàn thể, hiệp hội, chính quyền địa phương... để tài trợ quà và tiền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai bão lụt, ủng hộ cầu đường bê tông ở nông thôn, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ ngư dân Trường Sa – Hoàng Sa bám biển, giúp vốn cho người dân nghèo làm ăn...

Sau mỗi chuyến đi, các thành viên tham gia đoàn thiện nguyện của công ty đều tràn trề với những điều chưa làm được và tiếp tục có những ý tưởng mới để Quỹ Từ thiện PNJ ngày càng giúp đỡ được cộng đồng nhiều hơn. Từ cuối năm 2014, bên cạnh những chương trình thường niên, Quỹ từ thiện PNJ sẽ triển khai thêm dự án Mái ấm PNJ - đây là kế hoạch xây tặng nhà ở cho người nghèo neo đơn, hoàn cảnh khó khăn... trên khắp cả nước. Dự kiến Quỹ Từ thiện PNJ sẽ xây 50 mái ấm, mỗi mái ấm trị giá 40 triệu đồng trong giai đoạn đầu của dự án.

Bà Đặng Thị Lại, kế toán trưởng công ty PNJ kiêm Phó chủ tịch Quỹ Từ thiện PNJ – nhận định: “Có ba điểm nổi bật trong hoạt động của Quỹ Từ thiện PNJ: thứ nhất là có tâm – từ Ban Tổng GD đến từng nhân viên đều thực tâm mong muốn chia sẻ với những người khó

khăn; thứ hai là có tiền; thứ ba là có sự đồng tâm đồng lòng của cả công ty khi tiến hành từng chương trình từ thiện”.

NHỮNG HÀNH TRÌNH YÊU THƯƠNG LUÔN CÓ SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC THÀNH VIÊN LÃNH ĐẠO:

Trong những “hành trình yêu thương” đến trao quà tại các xã huyện xa xôi dịp tết hàng năm đều có sự hiện diện của các thành viên ban lãnh đạo PNJ, dù công việc quản trị điều hành hoạt động kinh doanh có bận đến mấy, nhưng trong số tay hay lịch công tác của các anh chị vẫn ưu tiên ghi chú cho những chuyến công tác từ thiện, cùng lần xa với các thành viên trong đoàn để giúp đỡ bà con nhận gói quà nhanh nhất có thể.

Tấm lòng ấm áp của quỹ từ thiện PNJ cũng như ý thức thiện nguyện với cộng đồng của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng góp phần có ảnh hưởng tích cực lan rộng đến nhiều đối tác của công ty và cộng đồng doanh nhân, lôi cuốn họ cùng tham gia với PNJ để chia sẻ với cộng đồng, giúp đỡ người nghèo.

Tham gia trong đoàn từ thiện của BV Đại học Y dược TP HCM phối hợp với Quỹ Từ thiện PNJ về thăm và khám bệnh phát thuốc miễn phí cho 500 người dân nghèo thuộc xã Thuận Hoà huyện

Châu Thành tỉnh Sóc Trăng vào ngày 17/8/2014, TS Bác sĩ Vũ Trí Thanh – Trưởng phòng nghiệp vụ BV Đại học Y Dược chia sẻ: “Đây là lần đầu tiên BV Đại học Y Dược phối hợp việc khám bệnh từ thiện với công ty PNJ. Đoàn chúng tôi có tất cả 10 bác sĩ, trong đó có 04 tiến sĩ, hai giáo sư, 03 dược sĩ...vẫn thường đi khám bệnh từ thiện nhiều lần trong năm nhưng phải nói là lần này rất vui vì thấy kết quả của chuyến đi tốt về nhiều khía cạnh. Bà con nghèo ở đây không chỉ nhận được quà cần thiết trong đời sống, mà còn được khám bệnh phát thuốc miễn phí, có cây cầu mới để đi và một gia đình còn nhận được ngôi nhà mới xây nữa. Chuyến đi cũng là dịp kết nối tình thân giữa nhiều thế hệ bác sĩ dược sĩ và kết nối tình thân với các bạn trẻ nhà PNJ. Phải nói là các bạn đã tạo được ấn tượng tốt đẹp đối với chúng tôi về sự chuyên nghiệp cũng như tinh cảm tốt đẹp của các bạn dành cho người dân nghèo ở đây.”

Những ấn tượng tốt đẹp ấy không thể có, nếu như không có sự đồng lòng của các thành viên trong Gia đình PNJ về một quan niệm “Cho đi chính là nhận lại niềm hạnh phúc và sự thanh thản cho tâm hồn” phát xuất từ người đứng đầu công ty...



NĂM 2014 DẤU ẤN CỘNG ĐỒNG CỦA PNJ



CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2014

- Trao tặng học bổng Vừ A Dính, học bổng PNJ, học bổng của Thời báo kinh tế SG
- Ứng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương
- Đồng hành chương trình “Tấm lưới nghĩa tình vì người dân Hoàng Sa, Trường Sa”
- Ứng hộ “Quỹ vì người nghèo” UBMTQ TPHCM
- Đồng hành dự án giúp vốn làng nghề
- Ứng hộ các chương trình chăm lo cho nạn nhân chất độc Da cam
- Ứng hộ chương trình Mùa xuân Biên giới, biển đảo
- Thăm và tặng quà tết hằng năm cho người nghèo miền Trung, Miền Tây và Tây Nguyên
- Xây tặng cầu cho người nghèo tỉnh Bến Tre và Trà Vinh
- Ứng hộ các chương trình Ngư dân bám biển
- Hỗ trợ cho CBCNV công ty PNJ có hoàn cảnh khó khăn
- Chăm lo cho người mù quận Phú Nhuận, trẻ em khuyết tật trường Niềm tin PN
- Cứu trợ cho bà con các vùng thiên tai, lũ lụt
- Hỗ trợ vốn cho người dân vùng biển.
- Tổ chức Hiến máu nhân đạo hàng năm, phối hợp bệnh viện khám bệnh cho người nghèo vùng sâu vùng xa
- Triển khai chương trình “Mái ấm PNJ” để xây nhà ở cho người nghèo.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang, đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi bốn (174) cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Ông Andy Ho	Thành viên (bổ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên (từ nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2014)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Trần Văn Dân	Thành viên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Cao Thị Ngọc Dung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CAO THỊ NGỌC DUNG
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ernst & Young Vietnam Limited



Dương Lê Anthony
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Nguyen Thanh Sang
Auditor
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1541-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT _ ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.830.870.956.574	1.717.592.172.977
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	272.305.336.075	507.821.745.184
111	1. Tiền		37.706.071.196	53.915.192.251
112	2. các khoản tương đương tiền		234.599.264.879	453.906.552.933
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	71.324.851.689	76.020.840.245
131	1. Phải thu khách hàng		43.282.823.370	52.341.746.512
132	2. Trả trước cho người bán		16.213.997.161	8.912.739.502
135	3. Các khoản phải thu khác		19.615.577.417	23.485.827.790
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.787.546.259)	(8.719.473.559)
140	III. Hàng tồn kho	7	1.437.415.596.122	1.087.344.363.095
141	1. Hàng tồn kho		1.437.415.596.122	1.087.344.363.095
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		49.825.172.688	46.405.224.453
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		27.279.143.455	19.924.285.797
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.659.558.376	12.001.552.590
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.653.263.806	1.845.657.246
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	14.233.207.051	12.633.728.820
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		997.801.346.775	1,239,106,817,480
220	I. Tài sản cố định	9	452.468.356.455	474.305.452.792
221	1. Tài sản cố định hữu hình		160.479.587.999	174.533.720.783
222	Nguyên giá		265.520.614.214	290.255.974.492
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(105.041.026.215)	(115.722.253.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	291.249.678.256	290.655.810.463
228	Nguyên giá		293.121.956.571	292.453.176.966
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.872.278.315)	(1.797.366.503)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		739.090.200	9.115.921.546
241	II. Bất động sản đầu tư	11		75.703.549.357
242	1. Nguyên giá			77.473.939.864
	Giá trị khấu hao lũy kế			(1.770.390.507)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	531.864.217.588	589.705.137.986
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		81.456.342.588	80.652.729.586
258	2. Đầu tư dài hạn khác		460.716.988.400	523.602.408.400
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.309.113.400)	(14.550.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		13.468.610.732	14.403.411.252
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	12.547.147.880	13.701.560.928
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	921.462.852	701.850.324
269	V. Lợi thế thương mại	13		84.989.266.093
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.828.672.303.349	2.956.698.990.457

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo) _ ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.532.149.329.780	1.550.680.871.025
310	I. Nợ ngắn hạn		1.394.564.947.680	1.415.480.783.876
311	1. Vay ngắn hạn	15	1.131.686.128.041	1.163.972.366.976
312	2. Phải trả người bán	16	140.059.263.813	111.132.232.389
313	3. Người mua trả tiền trước		10.577.252.253	8.483.360.904
314	4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	17	45.893.557.644	48.283.681.689
315	5. Phải trả người lao động		27.640.951.586	11.299.793.720
316	6. Chi phí phải trả		4.188.467.510	3.524.676.090
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	27.252.893.412	31.966.060.795
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.266.433.421	36.818.611.313
330	II. Nợ dài hạn		137.584.382.100	135.200.087.149
333	1. Phải trả dài hạn khác	19	455.382.100	5.617.050.500
334	2. Vay dài hạn		137.129.000.000	129.583.036.649
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.296.522.973.569	1.318.220.581.226
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.296.522.973.569	1.318.220.581.226
411	1. Vốn cổ phần		755.970.350.000	755.970.350.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105.021.650.000	105.021.650.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(7.090.000)	(7.090.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		166.070.897.000	126.070.897.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		66.734.153.783	57.634.153.783
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		202.733.012.786	273.530.620.443
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			87.797.538.206
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.828.672.303.349	2.956.698.990.457

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ ("USD")	8.382	58.203
Vàng thỏi	6.409	6.770
Đô la Úc ("AUD")	30.006	

Dương Quang Hải
Người lập

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	9.297.810.872.565	8.973.965.897.995
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(98.592.775.013)	(59.783.311.660)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	21.1	9.199.218.097.552	8.914.182.586.335
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(8.309.982.541.638)	(8.244.494.727.893)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		889.235.555.914	669.687.858.442
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	18.739.496.430	23.797.867.875
22	7. Chi phí tài chính		(90.254.492.225)	(84.970.680.816)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(79.682.197.799)	(83.525.727.307)
24	8. Chi phí bán hàng		(354.954.031.945)	(262.496.218.357)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(129.618.733.552)	(113.373.916.451)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		333.147.794.622	232.644.910.693
31	11. Thu nhập khác		2.668.838.792	3.181.797.660
32	12. Chi phí khác		(1.586.537.533)	(2.239.943.652)
40	13. Lợi nhuận khác		1.082.301.259	941.854.008
45	14. Phân lãi (lỗ) từ công ty liên kết		803.613.002	(579.477.436)
50	15. Lợi nhuận trước thuế		335.033.708.883	233.007.287.265
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(79.455.050.132)	(64.190.342.200)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		293.307.944	220.310.692
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		255.871.966.695	169.037.255.757
61	<i>Trong đó:</i>			
61	<i>Lợi ích của các cổ đông thiểu số</i>		13.376.498.721	5.866.063.304
62	<i>Lãi thuộc về các cổ đông của Công ty</i>		242.495.305.974	163.171.192.453
70	19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)		3.208	2.239

Dương Quang Hải
Người lập

Ngày 15 tháng 3 năm 2015

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

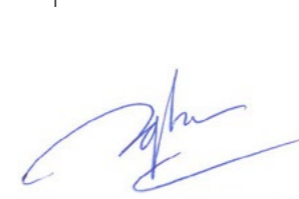
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		335.033.546.883	233.007.287.265
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		31.011.683.393	23.809.470.760
	Các khoản dự phòng		468.396.300	967.254.900
03	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.087.701.495)	(14.205.354.346)
05	Chi phí lãi vay	23	79.682.197.799	83.525.727.307
06	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		430.108.122.880	327.104.385.886
	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(20.105.968.511)	1.257.008.085
09	Tăng hàng tồn kho		(392.583.571.977)	(296.208.235.977)
10	Tăng các khoản phải trả		76.335.837.103	77.256.168.164
11	Tăng chi phí trả trước		(6.200.444.610)	(13.198.313.124)
12	Tiền lãi vay đã trả		(79.682.197.799)	(83.525.727.307)
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(79.187.348.685)	(43.806.298.357)
14	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	30.001.580.000
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(47.174.283.526)	(24.326.682.734)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(118.489.855.125)	(25.446.115.364)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(34.530.888.745)	(56.559.512.129)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		642.272.726	8.041.831.601
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	153.763.708.000
26	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào các đơn vị khác		9.149.322.084	-
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		21.718.529.735	13.884.155.145
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(3,020,764,200)	119.130.182.617
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	35.992.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.042.963.679.870	4.889.634.614.815
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.915.061.935.454)	(4.886.547.452.190)
36	Cổ tức đã trả		(241.907.534.200)	(93.597.185.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	20.2	(114.005.789.784)	(54.518.022.875)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(235.516.409.109)	39.166.044.378
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		507.821.745.184	468.655.700.806
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		272.305.336.075	507.821.745.184



Dương Quang Hải
Người lập

Ngày 15 tháng 3 năm 2015



Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi bốn (174) cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.494 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.653).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty có hai công ty con, như sau:

Công ty TNHH Thời trang CAO (“CFC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công, nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty TNHH Giám định PNJ (“PLC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại 205 Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, vàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính. Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và khác	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế hay giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hay giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Tập đoàn nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

3.5 KHẤU HAO VÀ KHẤU TRỪ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

3.6 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó. Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 năm
Nhà cửa	10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn;
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Sau ghi nhận ban đầu, lợi thể thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thể thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

3.10 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.11 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÁC

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

3.12 DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 LÃI TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

ng nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.21 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

4. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Vào ngày 23 tháng 9 năm 2014, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn cho bà Trần Thị Thu Phương và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn theo các Hợp đồng Chuyển nhượng Quyền sở hữu cổ phần ngày 23 tháng 9 năm 2014 với tổng giá bán là 174.453.518.000 VNĐ. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản lỗ với số tiền là 1.667.321.778 VNĐ từ việc chuyển nhượng này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 23).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	29.251.327.486	33.096.471.915
Tiền gửi ngân hàng	6.653.427.710	18.313.361.447
Tiền đang chuyển	1.801.316.000	2.505.358.889
Các khoản tương đương tiền	234.599.264.879	453.906.552.933
TỔNG CỘNG	272.305.336.075	507.821.745.184

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	43.282.823.370	52.341.746.512
Trong đó:		
Bên thứ ba	43.282.823.370	52.341.746.512
Trả trước cho người bán	16.213.997.161	8.912.739.502
Trong đó:		
Bên thứ ba	16.213.997.161	8.912.739.502
Các khoản phải thu khác	19.615.577.417	23.485.827.790
Trong đó:		
Bên thứ ba	19.615.577.417	23.485.827.790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.752.218.659)	(8.719.473.559)
GIÁ TRỊ THUẦN	71.324.851.689	76.020.840.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	8.719.473.559	7.752.218.659
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	(967.254.900)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(931.927.300)	
Số cuối năm	7.787.546.259	8.719.473.559

7. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	1.252.394.534.919	974.547.900.904
Thành phẩm	129.280.128.300	34.000.318.883
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.709.641.474	23.435.085.328
Công cụ, dụng cụ	19.923.350.233	15.249.323.609
Nguyên vật liệu	9.498.967.373	35.727.945.679
Hàng mua đang đi trên đường	608.973.823	4.383.788.692
TỔNG CỘNG	1.437.415.596.122	1.087.344.363.095

Hàng tồn kho trị giá là 570.000.000.000 VNĐ đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại. (Thuyết minh số 15).

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn thuê cửa hàng	13.588.573.996	11.685.238.240
Tạm ứng cho nhân viên	644.633.055	948.490.580
TỔNG CỘNG	14.233.207.051	12.633.728.820

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	147.284.311.942	111.093.495.287	13.374.704.748	18.503.462.515	290.255.974.492
Tăng trong năm	3.855.569.925	28.312.584.378	3.578.453.727	570.841.192	36.317.449.222
Thanh lý công ty con	(27.516.251.371)	(17.901.134.848)	(1.570.039.031)	(1.240.563.717)	(48.227.988.967)
Thanh lý	(3.065.337.514)	(4.505.491.463)	(4.945.665.483)	(308.326.073)	(12.824.820.533)
Số cuối năm	120.558.292.982	116.999.453.354	10.437.453.961	17.525.413.917	265.520.614.214
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	101.262.000	40.096.488.007	3.037.674.490	2.364.791.157	45.600.215.654
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(23.962.054.915)	(70.618.706.336)	(10.043.223.644)	(11.098.268.814)	(115.722.253.709)
Khấu hao trong năm	(6.265.492.687)	(11.795.555.747)	(843.260.685)	(3.315.942.923)	(22.220.252.042)
Thanh lý công ty con	10.862.804.631	8.282.131.173	537.940.054	672.853.956	20.355.729.814
Thanh lý	3.065.337.514	3.903.800.612	5.259.110.533	317.501.063	12.545.749.722
Số cuối năm	(16.299.405.457)	(70.228.330.298)	(5.089.433.742)	(13.423.856.718)	(105.041.026.215)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	123.322.257.027	40.474.788.951	3.331.481.104	7.405.193.701	174.533.720.783
Số cuối năm	104.258.887.525	46.771.123.056	5.348.020.219	4.101.557.199	160.479.587.999

Nhà cửa và máy móc với giá trị còn lại là 15.234.478.078 VNĐ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	291.340.705.353	1.112.471.613	292.453.176.966
Tăng trong năm	-	6.826.215.970	6.826.215.970
Thanh lý công ty con	(6.157.436.365)	-	(6.157.436.365)
Số cuối năm	285.183.268.988	7.938.687.583	293.121.956.571
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Số đầu năm	(1.029.617.114)	(767.749.389)	(1.797.366.503)
Khấu trừ trong năm	(123.262.190)	(1.104.528.926)	(1.227.791.116)
Thanh lý công ty con	1.152.879.304	-	1.152.879.304
Số cuối năm	-	(1.872.278.315)	(1.872.278.315)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	290.311.088.239	344.722.224	290.655.810.463
Số cuối năm	285.183.268.988	6.066.409.268	291.249.678.256

Quyền sử dụng đất với giá trị là 69.152.139.738 VNĐ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 19).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	77.157.702.364	316.237.500	77.473.939.864
Thanh lý công ty con	(77.245.002.199)	(316.237.500)	(77.561.239.699)
Phân loại lại	87.299.835	-	87.299.835
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(1.499.089.869)	(271.300.638)	(1.770.390.507)
Khấu trừ trong năm	(360.993.942)	(492.967.391)	(853.961.333)
Thanh lý công ty con	2.183.328.747	764.268.029	2.947.596.776
Phân loại lại	(323.244.936)	-	(323.244.936)
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	75.658.612.495	44.936.862	75.703.549.357
Số cuối năm	-	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

12.1 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

VND

Tên đơn vị	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	81.456.342.588	30,62	80.652.729.586	30,62
VND				
		Số cuối năm	Số đầu năm	
Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết		91.866.300.000	91.866.300.000	
Phần lỗ lũy kế từ công ty liên kết sau khi mua		(8.540.632.787)	(9.344.245.789)	
Cổ tức đã nhận		(1.869.324.625)	(1.869.324.625)	
TỔNG CỘNG		81.456.342.588	80.652.729.586	

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á (“DAL”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2003. DAL có trụ sở đăng ký tọa lạc tại 43R/12 Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

12.2 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

VND

Tên đơn vị	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DAB”) (i)	38.496.250	395.271.613.400	38.496.250	395.271.613.400
Công ty Cổ phần Bất động Sản Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000	2.615.215	65.380.375.000
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	-	-	916.662	42.499.920.000
Dự án Hoàng Minh Giám	-	-	-	10.089.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Gia Định	-	-	625.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Cà phê PETEC	-	-	29.200	296.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	65.000.000	-	65.000.000
TỔNG CỘNG		460.716.988.400		523.602.408.400
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.308.951.400)		(14.550.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN		450.408.037.000		509.052.408.400

(i) Cổ phiếu của DAB đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15).

12.3 DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.550.000.000	10.800.000.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	3.750.000.000
Trừ: Thanh lý công ty con	(4.241.048.600)	-
Số cuối năm	10.308.951.400	14.550.000.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm được trình bày như sau:

VND	
Nguyên giá:	
Số đầu năm	89.462.385.361
Giảm do thanh lý công ty con	(89.462.385.361)
Số cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(4.473.119.268)
Phân bổ trong năm	(6.709.678.902)
Giảm do thanh lý công ty con	(11.182.798.170)
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	84.989.266.093
Số cuối năm	-

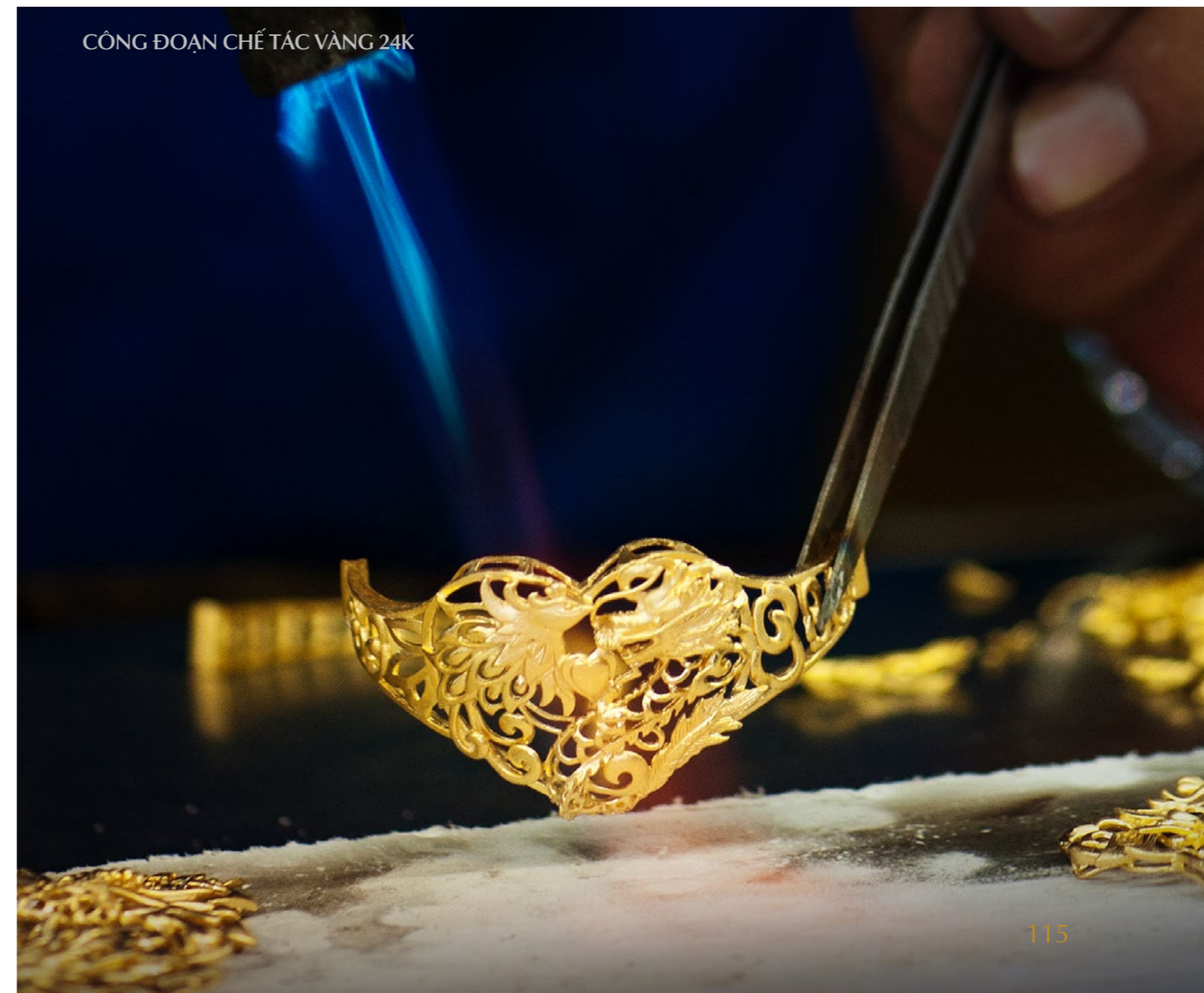
14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng	4.158.587.626	6.831.856.742
Chi phí thuê cửa hàng	3.198.215.073	3.670.835.189
Chi phí công cụ và dụng cụ	5.190.345.181	3.198.868.997
TỔNG CỘNG	12.547.147.880	13.701.560.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

15. VAY NGẮN HẠN

VND		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng (i)	804.324.426.041	921.080.789.816
Vay cá nhân (ii)	317.316.702.000	234.315.577.160
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	10.045.000.000	8.576.000.000
TỔNG CỘNG	1.131.686.128.041	1.163.972.366.976



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi từ các ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Sở Giao dịch	208.300.000.000	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2015 đến ngày 26 tháng 3 năm 2015	Từ 6 đến 6,5	Cổ phiếu của DAB
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	138.453.326.647	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 3 năm 2015	Từ 2,8 đến 5,9	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	122.893.085.681	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2015 đến ngày 23 tháng 3 năm 2015	Từ 2,8 đến 5,9	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Hồ Chí Minh	90.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 3 năm 2015 đến ngày 29 tháng 3 năm 2015	6,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	20.393.013.713	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2015 đến ngày 28 tháng 2 năm 2015	4,7	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hồ Chí Minh	15.900.000.000	Ngày 9 tháng 1 năm 2015	5,7	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh Hồ Chí Minh	15.385.000.000	Ngày 19 tháng 2 năm 2015	4,5	Hàng tồn kho
TỔNG CỘNG	804.324.426.041			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với lãi suất từ các cá nhân để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

VNĐ				
Bên cho vay	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Các cá nhân	317.316.702.000	Ngày 2 tháng 7 năm 2015	Từ 1 đến 5	Tín chấp

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VNĐ		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả bên thứ ba	140.059.263.813	109.627.278.389
Phải trả bên liên quan	-	1.504.954.000
TỔNG CỘNG	140.059.263.813	111.132.232.389

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	32.257.181.576	34.652.596.198
Thuế giá trị gia tăng	13.079.594.203	7.371.279.970
Thuế khác	556.781.866	6.259.805.521
TỔNG CỘNG	45.893.557.644	48.283.681.689

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Kinh phí công đoàn	4.912.336.783	577.634.092
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	-	5.824.124.515
Các khoản phải trả khác	22.340.556.629	25.564.302.188
TỔNG CỘNG	27.252.893.412	31.966.060.795

19. VAY DÀI HẠN

VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	147.174.000.000	138.159.036.649
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	10.045.000.000	8.576.000.000
Vay dài hạn	137.129.000.000	129.583.036.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Chi tiết các khoản vay với lãi suất thả nổi tại các ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn được trình bày như sau:

VND

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Hội sở chính	78.128.000.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2016	6	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 577 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà cửa tọa lạc tại số 52A-52B Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà cửa và vật kiến trúc tại Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Sở Giao dịch	59.001.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	6,5	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại lô số 2, Đường Dương Quảng Hàm, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG	137.129.000.000			

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

VNĐ	Tổng cộng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn cổ phần
Năm trước:							
Số đầu năm	1.241.739.016.273	274.298.476.490	46.376.732.783	96.070.897.000	(7.090.000)	105.021.650.000	719.978.350.000
Tăng vốn	35.992.000.000	-	-	-	-	-	35.992.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	163.171.192.453	163.171.192.453	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố và đã trả	(93.597.185.500)	(93.597.185.500)	11.257.421.000	30.000.000.000	-	-	-
Phân phối lợi nhuận Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(29.084.442.000)	(41.257.421.000)	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.318.220.581.226	273.530.620.443	57.634.153.783	126.070.897.000	(7.090.000)	105.021.650.000	755.970.350.000
Năm nay:							
Số đầu năm	1.318.220.581.226	273.530.620.443	57.634.153.783	126.070.897.000	(7.090.000)	105.021.650.000	755.970.350.000
Lợi nhuận thuần trong năm	242.495.467.974	242.495.467.974	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố và đã trả	(241.907.534.200)	(241.907.534.200)	9.100.000.000	40.000.000.000	-	-	-
Phân phối lợi nhuận Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(22.285.541.431)	(49.100.000.000)	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.296.522.973.569	202.733.012.786	66.734.153.783	166.070.897.000	(7.090.000)	105.021.650.000	755.970.350.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu	755.970.350.000	719.978.350.000
Số đầu năm	-	35.992.000.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	755.970.350.000	755.970.350.000
Cổ tức đã trả	241.907.534.200	93.597.185.500
Cổ tức đã công bố	241.907.534.200	93.597.185.500

20.3 CỔ PHIẾU - CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Số cuối năm (Số cổ phiếu)	Số đầu năm (Số cổ phiếu)
Số cổ phiếu được phép phát hành	75.597.035	75.597.035
Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu thường	75.597.035	75.597.035
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu thường	(709)	(709)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu thường	75.596.326	75.596.326

20.4 LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Thu nhập và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được trình bày bên dưới:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	242.495.467.974	163.171.192.453
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	75.596.326	72.877.150
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	3.208	2.239

Không có cổ phiếu tiềm năng suy giảm trong năm và cho đến ngày báo cáo hợp nhất này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

21. DOANH THU

21.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	9.297.810.872.565	8.973.965.897.995
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng và bạc	7.293.513.471.782	7.611.715.510.190
Doanh thu bán xăng dầu	1.968.961.904.427	1.313.994.762.889
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.613.001.351	29.913.547.651
Doanh thu bán phụ kiện	14.722.495.005	10.455.218.391
Doanh thu từ bất động sản đầu tư	-	7.886.858.874
Khấu trừ	(98.592.775.013)	(59.783.311.660)
Hàng bán bị trả lại	(16.390.474.227)	(11.963.078.881)
Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	(82.202.300.786)	(47.820.232.779)
Doanh thu thuần	9.199.218.097.552	8.914.182.586.335
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng và bạc	7.195.380.287.678	7.551.932.198.530
Doanh thu bán xăng dầu	1.968.502.313.518	1.313.994.762.889
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.613.001.351	29.913.547.651
Doanh thu bán phụ kiện	14.722.495.005	10.455.218.391
Doanh thu từ bất động sản đầu tư	-	7.886.858.874

21.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.907.458.935	8.910.778.895
Cổ tức nhận được	8.422.164.000	4.973.376.250
Lãi chênh lệch tỷ giá	409.104.517	9.913.712.730
Khác	768.978	
TỔNG CỘNG	18.739.496.430	23.797.867.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán vàng và bạc	6.406.635.018.755	6.949.345.429.458
Giá vốn bán xăng dầu	1.889.614.030.755	1.276.501.528.129
Giá vốn bán phụ kiện	10.339.492.458	8.316.439.999
Giá vốn dịch vụ	3.393.999.670	3.241.020.899
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	7.090.309.408
TỔNG CỘNG	8.309.982.541.638	8.244.494.727.893

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	79.682.197.799	83.525.727.307
Dự phòng giảm giá đầu tư	7.940.566.001	914.265.314
Lỗ do thanh lý công ty con	1.667.321.778	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	964.406.647	530.688.195
TỔNG CỘNG	90.254.492.225	84.970.680.816

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	8.318.149.954.817	6.872.839.994.572
Chi phí nhân công	196.647.826.741	206.253.924.347
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản	31.011.683.393	23.809.470.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.630.305.595	60.407.074.545
Chi phí khác	7.691.926.404	33.189.953.509
TỔNG CỘNG	8.694.131.696.950	7.196.500.417.733

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Tập đoàn là 22% thu nhập chịu thuế. Các báo cáo thuế của Tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	79.455.050.132	63.397.865.936
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	792.476.264
TỔNG CỘNG	79.455.050.132	64.190.342.200

25.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	335.033.708.883	233.007.287.265
Các điều chỉnh:		
Thanh lý công ty con	37.536.997.255	-
Phân bổ lợi thế thương mại	6.709.678.902	4.473.119.268
Chi phí không được khấu trừ	3.992.383.321	3.850.640.125
Thay đổi chi phí phải trả (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng cho các khoản đầu tư	998.238.764	1.142.984.543
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(13.323.210.310)	15.390.245.680
Cổ tức nhận được trong năm	-	121.085.676
(Lợi nhuận) lỗ trong các công ty liên kết	(8.422.164.000)	(4.973.376.250)
	(803.613.002)	579.477.436
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	361.722.019.813	253.591.463.743
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	79.455.050.132	63.397.865.936
Tăng do hợp nhất kinh doanh từ công ty con	-	2.065.090.141
Giảm do thanh lý công ty con	(2.648.752.294)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	792.476.264
Thuế TNDN phải trả đầu năm	34.638.232.422	12.203.462.214
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(79.187.348.685)	(43.806.298.357)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	32.257.181.575	34.652.596.198

25.3 THUẾ TNDN HOẢN LẠI

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	921.462.852	701.850.324	293.307.944	220.310.692

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	Bên liên quan	Cổ tức nhận được	7.699.250.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	5.313.662.665

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	8.445.600.000	7.352.559.205

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số đầu năm	Số cuối năm
Đến 1 năm	14.095.891.829	17.480.110.344
Từ 1 đến 5 năm	34.668.159.280	32.573.796.164
Trên 5 năm	36.271.432.000	6.356.902.800
TỔNG CỘNG	85.035.483.109	56.410.809.308

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là kinh doanh vàng, bạc và nữ trang, phụ kiện, dịch vụ kiểm định, bất động sản, xăng dầu.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

VND									
	Vàng, bạc và đá quý	Phụ kiện	Xăng dầu	Dịch vụ kiểm định	khác	Loại trừ	Tổng cộng		
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014									
Doanh thu									
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	7.311.455.719.888	14.722.495.00	1.968.961.904.427	20.557.649.055	55.352.296	(6.058.769.841)	9.309.694.350.830		
Các khoản giảm trừ doanh thu	(97.976.926.104)	-	(459.590.909)	-	-	-	(98.436.517.013)		
Tổng doanh thu	7.213.478.793.784	14.722.495.005	1.968.502.313.518	20.557.649.055	55.352.296	(6.058.769.841)	9.211.257.833.817		
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Lợi nhuận gộp của bộ phận	789.143.533.92	4.383.002.547	78.888.282.763	8.483.302.588	8.735.699.093	(215.499.997)	889.418.320.914		
Chi phí không phân bổ							(484.755.530.497)		
Doanh thu hoạt động tài chính							18.739.496.430		
Chi phí tài chính							(90.254.654.225)		
Lợi nhuận khác							1.885.914.261		
Lợi nhuận trước thuế TNDN							335.033.546.883		
Chi phí thuế TNDN							(79.161.742.188)		
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	2.822.665.949.349	5.450.124.840	78.888.282.763	18.553.582.157	52.150.619.987	(21.996.805.575)	2.828.672.303.349	255.871.804.695	
Tài sản và công nợ									
Tài sản bộ phận	2.822.665.949.349	5.450.124.840	78.888.282.763	18.553.582.157	52.150.619.987	(21.996.805.575)	2.824.672.850.771		
Tài sản không phân bổ							3.999.452.578		
Tổng tài sản	2.822.665.949.349	5.450.124.840	78.888.282.763	18.553.582.157	52.150.619.987	(21.996.805.575)	2.828.672.303.349		
Tài sản và công nợ									
Công nợ bộ phận	1.518.195.856.419	-	-	1.625.018.416	-	(22.060.674.626)	1.497.760.200.209		
Công nợ không phân bổ							34.519.326.833		
Tổng công nợ	1.518.195.856.419	-	-	1.625.018.416	-	(22.060.674.626)	1.532.279.527.042		

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Vàng, bạc và đá quý	Phụ kiện	Xăng dầu	Dịch vụ kiểm định	Bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014							
Doanh thu							
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	7.626.109.944.173	10.455.218.391	1.323.241.482.592	20.666.827.948	7.886.858.874	(14.394.433.983)	8.973.965.897.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	(59.783.311.660)	-	-	-	-	-	(59.783.311.660)
Tổng doanh thu	7.566.326.632.513	10.455.218.391	1.323.241.482.592	20.666.827.948	7.886.858.874	(14.394.433.983)	8.914.182.586.335
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Lợi nhuận gộp của bộ phận	603.143.791.798	2.138.778.392	46.739.954.463	17.425.807.049	796.549.466	(557.022.726)	669.687.858.442
Chi phí không phân bổ tài chính							(375.870.134.808)
Doanh thu hoạt động tài chính							23.797.867.875
Chi phí tài chính							(84.970.680.816)
Lợi nhuận khác							362.376.572
Lợi nhuận trước thuế TNDN							233.007.287.265
Chi phí thuế TNDN							(63.970.031.508)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN							169.037.255.757
Tài sản và công nợ							
Tài sản bộ phận	2.571.737.400.709	6.733.246.387	393.867.103.742	13.803.186.625	52.150.619.987	(85.595.995.411)	2.952.695.562.039
Tài sản không phân bổ							4.003.428.418
Tổng tài sản							2.956.698.990.457
Tài sản và công nợ							
Công nợ bộ phận	1.227.641.312.753	-	270.352.381.181	1.816.120.546	-	(17.913.615.563)	1.481.896.198.917
Công nợ không phân bổ							68.784.672.108
Tổng công nợ							1.550.680.871.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm duy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh. Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm vay, tiền gửi, và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	VND	
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay	VNĐ +200	(2.742.580.000)
	VNĐ -200	2.742.580.000
Năm trước	VNĐ +200	(2.591.660.733)
	VNĐ -200	2.591.660.733

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phát sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Tập đoàn là 460.651.988.400 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 513.447.908.400 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 46.065.198.840 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 51.347.790.840 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 46.065.198.840 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 51.347.790.840 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát. Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Tập đoàn là doanh thu bằng tiền mặt, nên có rủi ro tín dụng là không đáng kể.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền, và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 2 đến 5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Vay	1.131.686.128.041	137.129.000.000	1.268.815.128.041
Phải trả người bán	140.059.263.813	-	140.059.263.813
Các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả	31.441.360.922	-	31.441.360.922
TỔNG CỘNG	1.303.186.752.776	137.129.000.000	1.440.315.752.776
Số đầu năm			
Vay	1.163.972.366.976	129.583.036.649	1.293.555.403.625
Phải trả người bán	111.132.232.389	-	111.132.232.389
Các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả	35.490.736.885	-	35.490.736.885
TỔNG CỘNG	1.310.595.336.250	129.583.036.649	1.440.178.372.899

VND

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tập đoàn đã sử dụng hàng tồn kho, tài sản cố định và cổ phiếu của DAB làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15 và 19).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

	VNĐ			
	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính	Giá trị ghi số	Dự phòng	Dự phòng	
	460.716.988.400	(10.308.951.400)	523.602.408.400	(14.550.000.000)
	43.282.823.370	-	52.341.746.512	-
19.615.577.417	(7.787.546.259)	23.485.827.790	(8.719.473.559)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	272.305.336.075	-	507.821.745.184	-
TỔNG CỘNG	795.920.725.262	(18.096.497.659)	1.107.251.727.886	(23.269.473.559)
			777.824.227.603	1.083.982.254.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

	VNĐ			
	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.268.815.128.041	1.293.555.403.625	1.268.815.128.041	1.293.555.403.625
	140.059.263.813	106.649.186.389	140.059.263.813	106.649.186.389
-	4.483.046.000	-	4.483.046.000	
31.441.360.922	35.490.736.885	31.441.360.922	35.490.736.885	
TỔNG CỘNG	1.440.315.752.776	1.440.178.372.899	1.440.315.752.776	1.440.178.372.899

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Dương Quang Hải
Người lập

Ngày 15 tháng 3 năm 2015



Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TRANG SỨC PNJ

TP. HỒ CHÍ MINH

QUẬN 1:

TTKH PNJ, 174 Lê Thánh Tôn
Vincom Đồng Khởi (Tầng 1)
Parkson Saigon Tourist, 35Bis - 45 Lê Thánh Tôn
TTKH PNJ, 292 Hai Bà Trưng
CH PNJSilver, 21 Trần Quang Khải
Nowzone, Tầng trệt, 235 Nguyễn Văn Cừ
Co.opmart Cổng Quỳnh, 189C Cổng Quỳnh

Q. PHÚ NHUẬN:

TTKH PNJ, 52A - 52B Nguyễn Văn Trỗi
TTKH PNJ, 159 Phan Đăng Lưu
CH PNJSilver, 338 Phan Đình Phùng
Co.opmart Nguyễn Kiệm, 571 Nguyễn Kiệm
BigC Hoàng Văn Thu, 202B Hoàng Văn Thu
Co.opmart Rạch Miễu

QUẬN 2: Parkson Cantavil, Xa lộ Hà Nội, P. An Phú

QUẬN 3: TTKH PNJ, 666 Nguyễn Đình Chiểu

CH PNJSilver, 305 Nguyễn Đình Chiểu
TTKH PNJ, 132 CMT8
Co.opmart Nguyễn Đình Chiểu, 168 Nguyễn Đình Chiểu

QUẬN 5: TTKH PNJ, 7 An Dương Vương

QUẬN 6: TTKH PNJ, 255A - 255B Hậu Giang

QUẬN 7: Lotte Mart, 469 Nguyễn Hữu Thọ

QUẬN 8: Co.opmart Tuy Lý Vương, 40-54, Tuy Lý Vương

QUẬN 9: Co.opmart Xa lộ Hà Nội, 191 Quang Trung

QUẬN 10: Maximark 3/2, 3-3C, 3 Tháng 2

Co.opmart Lý Thường Kiệt, 497 Hòa Hảo

CH PNJSilver, 127 - 3/2

CH PNJSilver, 477 Nguyễn Tri Phương

Big C Miền Đông, 268 Tô Hiến Thành

QUẬN 11: TTKH PNJ, 71 Ông Ích Khiêm

CH PNJSilver, 140 Ông Ích Khiêm

Parkson Flemington, 184 Lê Đại Hành

Co.opmart Phú Thọ, Chung Cư Phú Thọ - Lữ Gia

QUẬN 12: Co.opmart Nguyễn Ảnh Thủ, 167/2, Nguyễn

Ảnh Thủ

Q. TÂN BÌNH: TTKH PNJ, 300 Hoàng Văn Thụ

TTKH PNJ, 510 Lý Thường Kiệt

TTKH PNJ, 230B Lê Văn Sỹ

CH PNJSilver, 139 CMT8

CH PNJSilver, 459 Trường Chinh

Parkson C&T Tân Sơn Nhất, 60A Trường Sơn

Maximark Cộng Hòa, 15-17 Cộng Hòa

Sân Bay Quốc Tế Tân Sơn Nhất, Ga quốc tế

Q. TÂN PHÚ: TTKH PNJ, 237 Nguyễn Sơn

BigC Phú Thạnh, 53 Nguyễn Sơn

BigC Pandora, 1/1 Trường Chinh

TTM AEON, 30 Bờ Bao Tân Thắng

Q. GÒ VẤP: TTKH PNJ, 362A Nguyễn Văn Nghi

TTKH PNJ, 21/3 Quang Trung

TTKH PNJ, 403 Thống Nhất

BigC Gò Vấp,

Co.opmart Phan Văn Trị, 543/1 Phan Văn Trị

Co.opmart Quang Trung, 304 Quang Trung

Q. BÌNH THẠNH: TTKH PNJ, 127A Đinh Tiên Hoàng

TTKH PNJ, 60 Xô Viết Nghệ Tĩnh

CH PNJSilver, 76 Nơ Trang Long

CH PNJSilver, 131 Hoàng Hoa Thám

CH PNJSilver, 201 Xô Viết Nghệ Tĩnh

CH PNJSilver, 732 Xô Viết Nghệ Tĩnh

Q. BÌNH TÂN: BigC An Lạc, 1231 Quốc Lộ 1A

Co.opmart Bình Tân, 158 Số 19, Bình Trị Đông B

Q. THỦ ĐỨC: TTKH PNJ, 141 Võ Văn Ngân

Co.opXtra, Quốc lộ 1A, P. Linh Trung

Vincom Thủ Đức, 216 Võ Văn Ngân

HOC MÓN: TTKH PNJ, 143/6 Nguyễn Ảnh Thủ

CỦ CHI: Co.opmart Củ Chi, 357 Quốc lộ 22

* TTKH PNJ: Trung Tâm Kim Hoàn PNJ

* CH PNJSilver: Cửa hàng PNJSilver



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI TRANG SỨC PNJ

HÀ NỘI VÀ MIỀN BẮC

Q. HAI BÀ TRUNG:

TTKH PNJ, 6A Trần Nhân Tông;
Vincom, 191 Bà Triệu
CH PNJSilver, 548 Bạch Mai
CH PNJSilver, 26 Trần Đại Nghĩa

Q. CẦU GIẤY:

TTKH PNJ, 334 Cầu Giấy
CH PNJSilver, 256 Cầu Giấy
BigC Hà Nội, 222 Trần Duy Hưng

Q. ĐỒNG ĐÀ:

TTKH PNJ, 129 Chùa Bộc
CH PNJSilver, 136 Tôn Đức Thắng
CH PNJSilver, 5810 Phạm Ngọc Thạch

Q. BA ĐÌNH:

CH PNJSilver, 30 Đội Cấn
CH PNJSilver, 263 Kim Mã

Q. HÀ ĐÔNG:

Co.op Mart Hà Đông
CH PNJSilver, 87A Quang Trung

Q. LONG BIÊN:

CH PNJSilver, 345 Ngọc Lâm
BigC Savico, 7 - 9 Nguyễn Văn Linh
CH PNJSilver, 383 Ngõ Gia Tự

Q. THANH XUÂN:

Vincom Royal, 172 Nguyễn Trãi

HẢI PHÒNG:

18A Lạch Tray, Hải Phòng
Parkson - Thủy Dương Plaza
BigC Hải Phòng, Tầng 1, Lê Hồng Phong

TP.VINH: BigC Vinh, 2 Quang Trung

VĨNH PHÚC: CH PNJSilver, 80A Lê Xoay

NAM ĐỊNH: BigC Nam Định

THANH HÓA: BigC Thanh Hóa

QUẢNG NINH: Vincom Hạ Long

HẢI DƯƠNG: TTTM BigC

HÀ TĨNH: Co.op Mart Hà Tĩnh

MIỀN TRUNG

HUẾ: TTKH PNJ, 10 Hùng Vương
Co.opmart Huế, 06 Trần Hưng Đạo, P.Phú Hòa
BigC Huế, 181 Bà Triệu
CH PNJSilver, 10 Hùng Vương

ĐÀ NẴNG:

TTKH PNJ, 70 - 72 Trần Phú
TTKH PNJ, 123 Hùng Vương
TTKH PNJ, 359 Phan Châu Trinh
CH PNJSilver, 77 Phan Châu Trinh
Big C Đà Nẵng, 225 Hùng Vương

HỘI AN: TTKH PNJ, 633 Hai Bà Trưng

QUẢNG NGÃI: TTKH PNJ, 36 Hùng Vương
Co.opmart Quảng Ngãi

QUY NHON: 334-336 Trần Hưng Đạo

Big C Quy Nhơn, Co.opmart Quy Nhơn

NHA TRANG: TTKH PNJ, 19A Quang Trung

Co.opmart Nha Trang, Maximark Nha Trang

ĐÔNG NAM BỘ

PHAN THIẾT:

Co.opmart Phan Thiết, 01 Nguyễn tất thành

BÌNH PHƯỚC: Co.opmart Bình Phước

BIÊN HÒA: TTKH PNJ, 97 Đường 30/4

TTKH PNJ, 482 Phạm Văn Thuận

CH PNJSilver, 105 Quốc Lộ 1

BigC Biên Hòa, Phường Long Bình Tân

BÌNH DƯƠNG: TTKH PNJ, 3A Hùng Vương

AEON Bình Dương, Co.opmart Bình Dương,

BigC Dĩ An

BÀ RỊA: Co.opmart Bà Rịa, Nguyễn Hữu Thọ

VŨNG TÀU: TTKH PNJ, 380 Lê Hồng Phong

Co.opmart Vũng Tàu, 36 Nguyễn Thái Học

TÂY NINH: Co.opmart Tây Ninh

Co.opmart Trảng Bàng

TTKH PNJ, 877 Cách Mạng Tháng Tám

LONG AN: Co.opmart Long An, TP.Tân An

TTKH PNJ, 51 Trương Định, Tp. Tân An

TÂY NAM BỘ

TIỀN GIANG: Co.opmart Mỹ Tho

TTKH PNJ, 188 Ấp Bắc - Mỹ Tho

BẾN TRE: Co.opmart Bến Tre

TP.CẦN THƠ: TTKH PNJ, 46 Ngõ Quyền

Sense City Cần Thơ, 01 Đại Lộ Hòa Bình

CH PNJSilver, 114 Hai Bà Trưng

CH PNJSilver, 88A Mậu Thân

TRÀ VINH: Co.opmart Trà Vinh

ĐÔNG THÁP: Co.opmart Cao Lãnh

TTKH PNJ, 86 Nguyễn Huệ, Tp.Cao Lãnh

AN GIANG: TTKH PNJ, 63 Hai Bà Trưng

Co.opmart Long Xuyên, 12 Nguyễn Huệ

SÓC TRĂNG: Co.opmart Sóc Trăng

BẠC LIÊU: Co.opmart Bạc Liêu

KIÊN GIANG: Co.opmart Kiên Giang

TTKH PNJ, 38 Hoàng Hoa Thám

VĨNH LONG: TTKH PNJ, 1F Hoàng Thái Hiếu

Co.opmart Vĩnh Long

LONG XUYỀN: Co.opmart Long Xuyên

CÀ MAU: Co.opmart Cà Mau

TTKH PNJ, 4A Hùng Vương

TÂY NGUYÊN

GIA LAI: TTKH PNJ, 14 Hoàng Văn Thu, TP.Pleiku

Co.opmart Pleiku

BUỒN MA THUỘT: TTKH PNJ, C1-C2 Điện Biên Phủ

Co.opmart Buôn Ma Thuột

LÂM ĐỒNG: TTKH PNJ, 08 khu Hòa Bình, Đà Lạt

Co.opmart Bảo Lộc, Tháp Nước, Đ.Trần Phú, Bảo Lộc

BigC Đà Lạt, Hồ Tùng Mậu



Tính đến cuối 2014, toàn hệ thống có 169 cửa hàng bao gồm 78 cửa hàng vàng (cửa hàng vàng độc lập và cửa hàng chung), 83 cửa hàng bạc độc lập và 8 cửa hàng Cao Fine Jewellery. Bên cạnh đó PNJ còn có gần 3.000 khách hàng sỉ toàn quốc, trang sức PNJ đã xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Canada, Đan Mạch, Đức, Úc, Nhật Bản...



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company

170E Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

www.pnj.com.vn